



**CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS**

Tháng 10/2023

MỤC LỤC

PHẦN A - CÁC VẤN ĐỀ CHUNG	1
A1. Giải thích từ ngữ.....	1
A2. Chúng tôi mở tài khoản nào cho Quý khách?	2
A3. Công ty cung cấp dịch vụ nào cho Quý khách?	3
A4. Công ty nhận lệnh của Quý khách bằng cách nào?	3
A5. Các yêu cầu và quy định chung đối với lệnh	4
A6. Quý khách có quyền và nghĩa vụ gì?.....	5
A7. Chúng tôi có quyền và nghĩa vụ gì?.....	6
A8. Quý khách và chúng tôi sẽ liên lạc với nhau như thế nào?.....	8
A9. Hợp đồng mở TKCK được sửa đổi như thế nào?	8
A10. Quý khách và chúng tôi có trách nhiệm gì với nhau?	9
A11. Hiệu lực, chấm dứt và thanh lý.....	10
A12. Bảo mật và sử dụng thông tin	12
A13. Luật điều chỉnh.....	13
A14. Giải quyết tranh chấp.....	13
PHẦN B - ỨNG TRƯỚC TIỀN BÀN CHỨNG KHOẢN.....	14
B1. Phạm vi áp dụng	14
B2. Giải thích từ ngữ.....	14
B3. Dịch vụ này được cung cấp như thế nào?.....	14
B4. Quý khách có quyền và nghĩa vụ gì?.....	15
B5. Công ty có quyền và nghĩa vụ gì?	15
B6. Các vấn đề khác.....	15

gs

PHẦN C - GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	16
C1. Phạm vi áp dụng	16
C2. Quan hệ với các hợp đồng/thỏa thuận khác	16
C3. Giải thích từ ngữ	16
C4. Hệ thống giao dịch điện tử	17
C5. Nhận và gửi thông tin	18
C6. Giao kết, chuyển giao và thực hiện hợp đồng điện tử	20
C7. Đặt lệnh điện tử và gửi chấp thuận điện tử	21
C8. Quy định về xác thực	22
C9. Quyền và nghĩa vụ của các bên	23
C10. Công bố rủi ro	26
PHẦN D - GIAO DỊCH KÝ QUỸ	27
D1. Giải thích từ ngữ	27
D2. Điều kiện sử dụng dịch vụ ký quỹ	28
D3. Cho vay theo giao dịch ký quỹ	29
D4. Dư nợ và lãi suất	31
D5. Thu hồi nợ vay	32
D6. Xử lý vi phạm tỷ lệ trên TKKQ	33
D7. Bổ sung tài sản bảo đảm	34
D8. Biện pháp bảo đảm	34
D9. Quyền, nghĩa vụ và cam kết của Khách hàng	36
D10. Quyền và nghĩa vụ của Công ty	39
PHẦN E - GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ	42
E1. Phạm vi áp dụng	42

4
CÔ
CÔ
HUN
T.N

E2. Giải thích từ ngữ.....	42
E3. Điều kiện giao dịch Trái phiếu.....	42
E4. Sử dụng Hạ tầng giao dịch Trái phiếu.....	42
E5. Nguyên tắc căn bản trong giao dịch Trái phiếu.....	43
E6. CÔNG BỐ RỦI RO.....	45

J T
HÀ
KHO
S
HỒ



CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN này (sau đây gọi là “**BỘ T&C**”) áp dụng chung cho mọi giao dịch và dịch vụ chứng khoán được đề cập trong Bộ T&C và cho mọi hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán giữa Công ty cổ phần Chứng khoán KS và khách hàng xác định theo quy định về hiệu lực tại Phần A dưới đây. Bộ T&C này gồm:

- Phần A “**CÁC VẤN ĐỀ CHUNG**”: Phần này đề cập đến các vấn đề cơ bản nhất và áp dụng chung cho toàn bộ dịch vụ chứng khoán và dịch vụ có liên quan do Công ty cung cấp cho Khách hàng;
- Phần B “**ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN**”: Phần này đề cập đến dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán do Công ty cung cấp cho Khách hàng;
- Phần C “**GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ**”: Phần này điều chỉnh việc sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử tại Công ty để thực hiện các giao dịch/thao tác bởi Khách hàng;
- Phần D “**GIAO DỊCH KÝ QUỸ**”: Phần này điều chỉnh giao dịch ký quỹ của khách hàng tại Công ty (chỉ áp dụng khi Khách hàng có Tài khoản giao dịch ký quỹ); và
- Phần E “**GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ**”: Phần này chứa đựng các điều khoản và điều kiện áp dụng đối với Khách hàng giao dịch trái phiếu riêng lẻ qua hệ thống của Công ty.

PHẦN A - CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

A1. Giải thích từ ngữ

Trong Bộ T&C này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1 **Khách hàng:** Chủ tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại Công ty.
- 1.2 **Công ty:** Công ty cổ phần Chứng khoán KS (gồm cả sau khi được đổi tên hoặc doanh nghiệp kế thừa).
- 1.3 **TKCK:** Tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty và các tài khoản, tiểu khoản khác được Công ty mở dưới tên Khách hàng gắn với tài khoản giao dịch chứng khoán nhằm cung cấp dịch vụ được phép cho Khách hàng (gồm cả tài khoản lưu ký, Tài khoản giao dịch ký quỹ (nếu Khách hàng đề nghị mở), tài khoản/tiểu khoản trong tài khoản chuyên dụng của Công ty mở để quản lý tài sản của Khách hàng).
- 1.4 **Hợp đồng mở TKCK:** Hợp đồng được ký kết giữa Công ty và Khách hàng để mở TKCK.
- 1.5 **Lệnh:** Lệnh, chỉ thị, chỉ dẫn, chỉ định, thông báo, thông điệp hoặc tương đương do Khách hàng lập/gửi/xác nhận (gồm cả lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển tiền hay lệnh thanh toán) để yêu cầu Công ty thực hiện một công việc/dịch vụ liên quan đến TKCK.
- 1.6 **Ngày giao dịch:** Ngày theo lịch (không bao gồm thứ Bảy, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ theo luật, tính cả nghỉ bù) mà vào ngày đó VSDC, SGDC và ngân hàng thương mại tại Việt Nam mở cửa

để hoạt động bình thường.

- 1.7 **Số điện thoại:** Số điện thoại cố định, di động hoặc cả hai được Khách hàng đăng ký gắn với TKCK và được lưu trong hệ thống của Công ty, dùng làm số điện thoại gọi đến/nhận cuộc gọi hoặc gửi/nhận thông điệp/thông tin liên quan đến TKCK theo Bộ T&C này.
- 1.8 **Thư điện tử:** Địa chỉ thư điện tử được Khách hàng đăng ký gắn với TKCK, dùng làm địa chỉ cho Khách hàng gửi/nhận thông điệp/thông tin liên quan đến TKCK theo Bộ T&C này.
- 1.9 **VSDC:** Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức kế thừa.
- 1.10 **SGDCK:** Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam.

Các từ ngữ được sử dụng riêng cho một phần của Bộ T&C sẽ được giải thích tại phần đó.

A2. Chúng tôi mở tài khoản nào cho Quý khách?

- 2.1 Theo đề nghị của Khách hàng, Công ty sẽ mở tài khoản giao dịch chứng khoán dưới tên Khách hàng và mở tài khoản lưu ký chứng khoán dưới tên Khách hàng trong trường hợp Khách hàng lựa chọn lưu ký chứng khoán tại Công ty.
- 2.2 Tiền của Khách hàng có thể được quản lý theo một trong hai phương thức sau (do Khách hàng lựa chọn):
 - (a) Khách hàng mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn; và
 - (b) Khách hàng quản lý tiền trong tài khoản chuyên dụng của Công ty.

Trừ khi Khách hàng lựa chọn phương án mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại và ghi trong Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng đồng ý quản lý tiền theo phương thức tài khoản chuyên dụng. Nhằm quản lý tiền của Khách hàng, Công ty sẽ mở tiểu khoản dưới tên Khách hàng trong tài khoản chuyên dụng của Công ty (mở tại ngân hàng thương mại). Việc thay đổi phương thức quản lý tiền sẽ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định được Công ty ban hành/áp dụng trong từng thời kỳ.

Trong trường hợp Khách hàng lựa chọn phương thức quản lý tiền bằng việc mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn, Khách hàng, Công ty và ngân hàng thương mại sẽ có hợp đồng thỏa thuận về cách thức xác nhận, phong tỏa số dư tiền và chuyển tiền thanh toán giao dịch chứng khoán theo các quy định pháp luật hiện hành.

- 2.3 Khách hàng được hưởng tiền lãi đối với số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán trên tài khoản chuyên dụng theo chính sách của Công ty công bố trong từng thời kỳ.
- 2.4 Nếu Khách hàng có đề nghị và đã đăng ký, Công ty sẽ mở Tài khoản giao dịch ký quỹ cho Khách hàng. Công ty cũng sẽ mở các tài khoản/tiểu khoản hỗ trợ giao dịch chứng khoán trên tài khoản đó phù hợp với nghiệp vụ/chính sách của Công ty và quy định của pháp luật có liên quan.
- 2.5 Tại từng thời điểm trong thời hạn Hợp đồng mở TKCK, Công ty cũng có thể mở tài khoản/tiểu khoản khác cho Khách hàng nhằm cung cấp dịch vụ/sản phẩm được phép theo yêu cầu của

Khách hàng.

2.6 Các tài khoản và tiểu khoản này đều gắn với tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng tại Công ty.

A3. Công ty cung cấp dịch vụ nào cho Quý khách?

3.1 Công ty sẽ cung cấp các dịch vụ sau trên TKCK cho Khách hàng:

- (a) Thực hiện giao dịch mua, bán và giao dịch khác đối với chứng khoán và tài sản tài chính được phép;
- (b) Tham gia vào việc thanh toán tiền và bù trừ chứng khoán do Khách hàng giao dịch;
- (c) Nhận tiền Khách hàng nộp/chuyển để giao dịch chứng khoán và cho các mục đích đầu tư và thanh toán được phép khác; nhận tiền của tổ chức/cá nhân khác chuyển hoặc thanh toán cho Khách hàng; quản lý nguồn tiền của Khách hàng và thực hiện Lệnh/yêu cầu sử dụng tiền của Khách hàng (gồm cả thanh toán giao dịch chứng khoán, rút tiền, thanh toán cho giao dịch và mục đích khác và chuyển tiền đến tài khoản khác);
- (d) Quản lý chứng khoán và tài sản được phép khác của Khách hàng;
- (e) Hỗ trợ Khách hàng thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán;
- (f) Dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo quy định tại Phần B dưới đây;
- (g) Dịch vụ giao dịch điện tử theo quy định tại Phần C dưới đây;
- (h) Dịch vụ giao dịch ký quỹ theo quy định tại Phần D dưới đây (từ khi Khách hàng mở Tài khoản giao dịch ký quỹ);
- (i) Dịch vụ giao dịch trái phiếu riêng lẻ theo quy định tại Phần E dưới đây;
- (j) Các dịch vụ giao dịch khác gắn với từng loại tài khoản/tiểu khoản phù hợp với nghiệp vụ được phép của Công ty; và
- (k) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật được Công ty cung cấp trong từng thời kỳ và được công bố trên website của Công ty.

3.2 Tại từng thời điểm trong khi Khách hàng vẫn duy trì TKCK, Khách hàng có thể đưa ra yêu cầu đăng ký thêm/sửa đổi/hủy tiện ích, dịch vụ liên quan đến TKCK và việc sử dụng dịch vụ của Khách hàng. Các yêu cầu này cần được lập thành văn bản theo quy định được Công ty ban hành/áp dụng trong từng thời kỳ. Công ty có quyền chấp thuận hoặc từ chối các yêu cầu này của Khách hàng mà không cần giải thích lý do tùy theo quy định và khả năng đáp ứng dịch vụ của Công ty trong từng thời kỳ.

A4. Công ty nhận Lệnh của Quý khách bằng cách nào?

4.1 Công ty nhận Lệnh của Khách hàng theo các cách thức sau:

- (a) Nhận trực tiếp tại quầy giao dịch (là địa điểm giao dịch được phép của Công ty);
 - (b) Nhận qua điện thoại; và
 - (c) Nhận qua Hệ thống giao dịch điện tử theo quy định tại Phần C “**GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ**” của Bộ T&C này.
- 4.2 Công ty có thể nhận Lệnh của Khách hàng qua cách thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo chính sách/quy tắc do Công ty ban hành trong từng thời kỳ.
- 4.3 Nếu hợp đồng/thỏa thuận/tài liệu có chứa đựng Lệnh mà cả Công ty và Khách hàng đều là bên ký kết thì bằng việc ký hợp đồng/thỏa thuận/tài liệu đó, Khách hàng được coi là đã lập và gửi Lệnh cho Công ty và Công ty được coi là đã nhận Lệnh của Khách hàng. Tương tự, nếu có văn bản do Khách hàng ký có chứa Lệnh được gửi đến Công ty liên quan đến giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba và Công ty chấp thuận việc đó thì bằng việc gửi văn bản, Khách hàng được coi là lập và gửi Lệnh cho Công ty.

A5. Các yêu cầu và quy định chung đối với Lệnh

- 5.1 Khách hàng chỉ lập và gửi Lệnh theo mẫu do Công ty cung cấp hoặc đồng ý và theo phương thức áp dụng cho loại Lệnh đó được quy định trong Hợp đồng mở TKCK.
- 5.2 Lệnh của Khách hàng phải có đủ thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật và Công ty.
- 5.3 Khách hàng là pháp nhân có trách nhiệm tuân thủ quy định nội bộ của mình khi lập và gửi Lệnh (cả về nội dung và thủ tục). Khi nhận được Lệnh của Khách hàng, Công ty được mặc nhiên coi rằng Khách hàng đã tuân thủ quy định nội bộ của mình.
- 5.4 Nếu nhận được Lệnh và tin tưởng trên tinh thần thiện chí Lệnh đó là thật và được ký bởi chính Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với Công ty) thì Công ty có quyền thực hiện Lệnh đó. Nếu Công ty không thể xác minh được chữ ký trên Lệnh của Khách hàng so với chữ ký mẫu của Khách hàng (hoặc của người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với Công ty) sau khi đã thực hiện mọi thủ tục xác minh hợp lý thì Công ty có quyền không thực hiện Lệnh. Nếu Công ty có lý do hợp lý để nghi ngờ chữ ký trên Lệnh không phải là chữ ký Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với Công ty) thì Công ty có quyền trì hoãn thực hiện Lệnh cho đến khi đã thực hiện xong việc xác thực cần thiết.
- 5.5 Nếu nhận được Lệnh của Khách hàng mà người ký Lệnh không phải là người đại diện đã đăng ký với Công ty thì Công ty có quyền yêu cầu Khách hàng đăng ký người đại diện bổ sung trước khi thực hiện Lệnh.
- 5.6 Nếu Công ty nhận được hai hay nhiều Lệnh từ Khách hàng (theo cùng phương thức hoặc theo phương thức khác nhau) có nội dung mâu thuẫn nhau thì Công ty được từ chối thực hiện Lệnh đến sau nếu Lệnh đến trước đã được thực hiện toàn bộ hoặc chỉ được thực hiện được một phần và đồng thời, theo đánh giá hợp lý của Công ty, việc thực hiện Lệnh đến sau là không phù hợp, không thể thực hiện được hoặc sẽ gây hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty hoặc việc hủy Lệnh đến trước là không thể thực hiện được trên thực tế.

- 5.7 Công ty chỉ thực hiện Lệnh của Khách hàng sau khi Khách hàng đã đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật để Lệnh có thể được thực hiện, bao gồm việc có đủ tiền hoặc chứng khoán theo yêu cầu trên TKCK cho Lệnh mua hoặc bán tương ứng.
- 5.8 Công ty được từ chối thực hiện Lệnh nếu Lệnh đó được gửi đến khi đã quá khung thời gian thực hiện (xác định theo quy định của pháp luật hay quy chế của SGDCK, VSDC hoặc Công ty) hoặc sau thời điểm chốt sổ (cut-off time) (xác định theo chính sách được Công ty áp dụng trong từng thời kỳ và được công bố trên website của Công ty).
- 5.9 Việc lập, gửi và thực hiện Lệnh của Khách hàng phải tuân thủ chính sách, quy định và quy chế do Công ty áp dụng trong từng thời kỳ và được công bố trên website của Công ty.

A6. Quý khách có quyền và nghĩa vụ gì?

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của Bộ T&C và pháp luật, Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Quyền:

- 6.1 Khách hàng là chủ sở hữu hợp pháp với toàn bộ số tiền, chứng khoán và tài sản khác trên TKCK, được thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu theo quy định của pháp luật.
- 6.2 Khách hàng được hưởng mức lãi suất theo quy định của Công ty công bố trong từng thời kỳ đối với số dư tiền có trên TKCK.
- 6.3 Phụ thuộc vào Khoản 7.2 của Điều A7 dưới đây, Khách hàng được rút/chuyển một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán ra khỏi TKCK khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt Hợp đồng mở TKCK, với điều kiện tiền và chứng khoán đó không bị ràng buộc, hạn chế bởi các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào với Công ty hoặc với bất kỳ bên thứ ba nào có liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 6.4 Khách hàng có quyền yêu cầu Công ty xuất hóa đơn tài chính theo đúng quy định pháp luật. Khách hàng cần liên hệ với Công ty trong giờ làm việc vào các ngày giao dịch tương ứng (nếu muốn cấp hóa đơn tài chính theo ngày) hoặc vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng (nếu muốn cấp hóa đơn tài chính theo tháng). Nếu Khách hàng không yêu cầu cụ thể, Công ty sẽ gộp phí dịch vụ của Khách hàng vào tổng mức phí dịch vụ của Công ty (của tất cả khách hàng phát sinh trong tháng) và/hoặc phần lãi vay của Khách hàng vào tổng mức lãi vay của Công ty (của tất cả khách hàng phát sinh trong tháng) và xuất hóa đơn tài chính chung cho từng tháng giao dịch vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng tương ứng.

Nghĩa vụ:

- 6.5 Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về Khách hàng theo yêu cầu tại Hợp đồng mở TKCK, cam đoan và cam kết thông tin đã cung cấp là đúng sự thật và phải thông báo cho Công ty khi phát sinh những thay đổi có liên quan. Khách hàng phải chịu mọi trách nhiệm, rủi ro hoặc thiệt hại liên quan đến việc thay đổi thông tin mà không thông báo cho Công ty. Các thông tin của Khách hàng trên TKCK sẽ đồng nhất với các thông tin trên TKGDKQ, các tài khoản, tiểu khoản khác mà Công ty mở theo yêu cầu của Khách hàng. Việc các thông tin của TKCK có sự thay đổi đồng nghĩa với việc các thông tin tại các tài khoản, tiểu

kh khoản khác cũng thay đổi tương ứng.

- 6.6 Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí môi giới, các khoản phí khác theo quy định của Công ty và có trách nhiệm nộp các loại thuế, phí liên quan theo quy định của pháp luật. Khách hàng mặc nhiên chấp thuận việc Công ty tự động khấu trừ vào tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng các khoản thuế, phí dịch vụ trước hoặc ngay khi Công ty cung cấp dịch vụ theo biểu phí của Công ty.
- 6.7 Nếu Khách hàng không thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh với Công ty theo Hợp đồng mở TKCK và các thỏa thuận khác có liên quan, Khách hàng đương nhiên và tự nguyện chấp thuận để Công ty có toàn quyền và tự động phong tỏa, xử lý các tài sản trên TKCK và các tài sản khác (nếu có) để khấu trừ/ thực hiện các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng mà không có bất kỳ khiếu kiện, yêu cầu và/hoặc phản đối nào đối với Công ty.
- 6.8 Khách hàng tự chịu rủi ro đối với mọi quyết định sử dụng TKCK, tiền hay tài sản trên TKCK (Khách hàng hiểu rằng Công ty không đưa ra bất kỳ cam kết hay bảo đảm nào (dù rõ ràng hay ngụ ý) về bảo toàn vốn đầu tư của Khách hàng hay khả năng sinh lợi của vốn đầu tư).
- 6.9 Khách hàng có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế/quy định của VSDC, SGDCK và quy chế/quy định của Công ty có liên quan trong việc mở và sử dụng TKCK, tiền và tài sản trên TKCK.
- 6.10 Khách hàng phải bảo đảm tính hợp pháp về số tiền và chứng khoán Khách hàng chuyển vào, lưu giữ, lưu ký và sử dụng trên TKCK.
- 6.11 Khách hàng có nghĩa vụ ký/xác nhận công nợ với Công ty khi có yêu cầu từ bên thứ ba và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 6.12 Khách hàng có trách nhiệm công bố thông tin đối với các giao dịch mua bán chuyển nhượng trên TKCK của Khách hàng theo quy định pháp luật, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các trường hợp Khách hàng tự bán chứng khoán hoặc Công ty thực hiện Lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố.
- 6.13 Khách hàng có nghĩa vụ thông báo tới Công ty các giao dịch mà Khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật.

A7. Chúng tôi có quyền và nghĩa vụ gì?

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của Bộ T&C và pháp luật, Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Quyền:

- 7.1 Công ty được thu phí/giá dịch vụ từ Khách hàng theo mức phí/giá đã công bố cho Khách hàng.
- 7.2 Công ty được tạm khóa/phong tỏa một phần hoặc toàn bộ tiền và tài sản của Khách hàng trên TKCK:
 - (a) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- (b) Theo thỏa thuận giữa Khách hàng và Công ty; hoặc
 - (c) Theo yêu cầu của chính Khách hàng.
- 7.3 Công ty được phép yêu cầu ngân hàng nơi Khách hàng mở tài khoản tiền giao dịch chứng khoán trích số dư tiền trên tài khoản tiền để thực hiện thanh toán các Lệnh mua, thanh toán các khoản phí, thuế cho các Lệnh mua/bán chứng khoán đã được thực hiện của Khách hàng.
- 7.4 Công ty được ghi tăng/ghi giảm chứng khoán trên TKCK để thực hiện thanh toán theo Lệnh mua/bán của Khách hàng đã được thực hiện.
- 7.5 Công ty chỉ có trách nhiệm thực hiện các giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Khách hàng và không chịu trách nhiệm về các quyết định giao dịch chứng khoán của Khách hàng.
- 7.6 Công ty có quyền tạm ngừng/chấm dứt/từ chối việc mở TKCK, đăng ký sử dụng dịch vụ trên TKCK; đóng/đình chỉ hoạt động của TKCK hoặc hủy bỏ dịch vụ Khách hàng đã đăng ký trong các trường hợp phù hợp với quy định của Hợp đồng mở TKCK, quy định của Công ty và của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 7.7 Công ty có quyền khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào trên TKCK để thanh toán cho phần nghĩa vụ mà Khách hàng phải thực hiện với Công ty, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc với bên thứ ba phối hợp cùng Công ty để cung cấp dịch vụ cho Khách hàng hoặc căn cứ vào các thỏa thuận khác của Khách hàng với Công ty và/hoặc bên thứ ba đó.
- 7.8 Công ty được cung cấp thông tin liên quan đến TKCK và thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng hoặc theo quy định của pháp luật tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Nghĩa vụ:

- 7.9 Công ty phải quản lý tách bạch tiền gửi/tài sản của Khách hàng với tiền gửi/tài sản của Khách hàng khác và với tiền/tài sản của chính Công ty.
- 7.10 Công ty phải công bố mức phí/giá dịch vụ giao dịch chứng khoán trước khi Khách hàng thực hiện giao dịch.
- 7.11 Công ty có nghĩa vụ cập nhật thông tin thay đổi của Khách hàng liên quan đến TKCK khi Khách hàng có yêu cầu.
- 7.12 Công ty phải tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế hay quy định có liên quan trong việc cung ứng dịch vụ cho Khách hàng liên quan đến TKCK.
- 7.13 Công ty không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không được phép của Khách hàng, trừ trường hợp pháp luật quy định hoặc các bên có thỏa thuận khác.
- 7.14 Công ty có nghĩa vụ thông báo thông tin về chứng khoán, thông tin về thực hiện quyền phát sinh từ chứng khoán và các thông báo khác trên website chính thức của Công ty và/hoặc các phương thức khác do Công ty lựa chọn phù hợp với quy định của pháp luật.
- 7.15 Công ty có nghĩa vụ cung cấp các thông tin về chứng khoán, TKCK, và các thông tin khác liên

quan đến chứng khoán và TKCK của Khách hàng khi Khách hàng có yêu cầu dựa trên nhu cầu hợp lý của Khách hàng.

7.16 Công ty có nghĩa vụ thông báo kết quả khớp lệnh cho Khách hàng.

A8. Quý khách và chúng tôi sẽ liên lạc với nhau như thế nào?

8.1 Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho Công ty bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyển phát của bên thứ ba (kể cả bưu chính hay chuyển phát) đến trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch hay điểm giao dịch được phép khác của Công ty theo địa chỉ tương ứng được công bố trên website của Công ty trong từng thời kỳ hoặc thông qua các phương thức giao tiếp điện tử được Công ty cung cấp cho Khách hàng tại từng thời điểm.

8.2 Công ty có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyển phát của bên thứ ba đến địa chỉ ghi trên Hợp đồng mở TKCK hoặc địa chỉ khác đã được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của Công ty. Công ty cũng có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện (có ghi âm) hoặc gửi tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại, hoặc qua Thư điện tử hoặc thông qua các phương thức giao tiếp điện tử khác được Công ty cung cấp cho Khách hàng tại từng thời điểm.

8.3 Một thông tin/thông báo (nếu có) được xem là đã gửi thành công:

- (a) Nếu gọi điện, tại thời điểm cuộc gọi kết thúc thành công và được ghi âm;
- (b) Nếu gửi qua tin nhắn (SMS), khi người gửi nhận được thông báo của nhà cung cấp dịch vụ chuyển tin nhắn rằng tin nhắn đã được gửi thành công (delivered hoặc tương đương);
- (c) Nếu gửi qua thư điện tử, khi thư điện tử có liên quan được gửi vào đúng địa chỉ thư điện tử người nhận và thư điện tử đã được lưu vào mục “Thư đi” (Sent) hoặc tương đương trong hộp thư của người gửi và trong vòng 24h từ thời điểm thư điện tử đó được lưu, người gửi không nhận được thông báo tự động nào về việc thư điện tử đó không được gửi thành công;
- (d) Nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo có liên quan; hoặc
- (e) Nếu được gửi qua phương thức khác, khi người gửi nhận được thông báo của nhà cung cấp rằng thông tin/thông báo đã được gửi thành công.

8.4 Công ty và Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho nhau qua Hệ thống giao dịch điện tử. Cách thức gửi và thời điểm nhận được thông tin, thông báo sẽ theo quy định của Phần C “**GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ**”.

A9. Hợp đồng mở TKCK được sửa đổi như thế nào?

9.1 Hợp đồng mở TKCK (gồm cả Bộ T&C) có thể được sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản được ký giữa Công ty và Khách hàng (theo cách thức truyền thống hoặc theo phương thức giao dịch điện tử).

9.2 Hợp đồng mở TKCK (gồm cả Bộ T&C) cũng có thể được sửa đổi theo một trong các cách thức sau:



- (a) Theo thông báo của Công ty hoặc công bố trên website của Công ty và Khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ có liên quan tại Công ty sau thời điểm có hiệu lực của thông báo/bản công bố; hoặc
- (b) Theo thông báo của Công ty và Khách hàng gửi chấp thuận hoặc không gửi phản đối trong thời gian nêu tại thông báo đó.

Việc sửa đổi theo các cách được nêu tại Khoản này có giá trị và hiệu lực như sửa đổi theo cách nêu tại Khoản 9.1 trên đây.

A10. Quý khách và chúng tôi có trách nhiệm gì với nhau?

- 10.1 Công ty phải bồi thường và bồi hoàn cho Khách hàng đối với thiệt hại/tổn thất mà Khách hàng thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc Công ty có hành vi vi phạm Hợp đồng mở TKCK một cách chủ ý hoặc lừa dối.
- 10.2 Khách hàng phải bồi thường và bồi hoàn cho Công ty (hoặc bên thứ ba do Công ty chỉ định) đối với thiệt hại/tổn thất mà Công ty (hoặc bên đó) thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc Khách hàng sử dụng TKCK và dịch vụ tại Công ty không đúng quy định hoặc Khách hàng vi phạm pháp luật, vi phạm Hợp đồng mở TKCK hoặc có hành vi lừa dối.
- 10.3 Công ty được miễn trách nhiệm với Khách hàng nếu không thực hiện một hành động mà theo đánh giá của Công ty, việc thực hiện hành động đó sẽ dẫn đến vi phạm pháp luật.
- 10.4 Công ty không phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm pháp luật của Khách hàng. Công ty cũng không phải chịu trách nhiệm do hành vi của bất kỳ bên thứ ba nào mà không phải là đại diện của Công ty.
- 10.5 Khách hàng hiểu rằng mình phải tự quyết định đầu tư và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đó của mình (ý kiến của nhân viên môi giới, nhân viên tư vấn đầu tư chỉ có ý nghĩa tham khảo).
- 10.6 Khi Khách hàng hoặc người được Khách hàng ủy quyền ký tên vào Lệnh, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi yêu cầu Công ty thực hiện Lệnh.
- 10.7 Khách hàng mặc nhiên công nhận và chấp thuận kết quả giao dịch do Công ty thực hiện theo Lệnh của Khách hàng hoặc của người được Khách hàng ủy quyền theo cách thức đặt Lệnh được các bên thoả thuận tại Hợp đồng mở TKCK. Nếu Khách hàng ủy quyền cho người khác giao dịch bằng các hình thức ủy quyền theo quy định của pháp luật thì các giao dịch được thực hiện bởi người được Khách hàng ủy quyền được coi là giao dịch của chính Khách hàng.
- 10.8 Khách hàng và người ủy quyền hợp pháp của Khách hàng có trách nhiệm theo dõi và tự mình kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tiền, số dư chứng khoán trên TKCK và chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường. Nếu có thắc mắc liên quan tới TKCK, giao dịch đã được thực hiện cũng như những dịch vụ do Công ty cung cấp (kể cả sai sót, giao dịch trái thẩm quyền) thì Khách hàng phải gửi yêu cầu bằng văn bản tới Công ty trong vòng 24h kể từ ngày phát sinh giao dịch hoặc từ ngày diễn ra sự thay đổi trên TKCK của Khách hàng. Sau thời hạn này, nếu Khách hàng không có bất kỳ phản đối nào, Khách hàng được xem là mặc nhiên xác nhận các giao dịch, số dư tiền và chứng khoán của Khách hàng trên TKCK. Công ty không có

trách nhiệm đối với các giao dịch được thực hiện trên TKCK ngoại trừ các giao dịch mà Khách hàng đã thực hiện theo đúng Hợp đồng mở TKCK và đã được xác minh là có sai sót, gian lận hoặc giao dịch trái thẩm quyền do lỗi của Công ty.

- 10.9 Khách hàng cam đoan rằng nội dung và việc ký Hợp đồng mở TKCK đã được phê duyệt đầy đủ và hợp lệ bởi các cơ quan/cấp có thẩm quyền nội bộ của Khách hàng và người ký đại diện cho Khách hàng trên các hồ sơ giao dịch là người đại diện hợp pháp của Khách hàng.
- 10.10 Khách hàng có trách nhiệm thông báo cho Công ty các thông tin về việc trở thành/không còn là cổ đông nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng và/hoặc thực hiện công bố thông tin theo quy định đối với các trường hợp cần thực hiện công bố thông tin trong quá trình giao dịch chứng khoán tại Công ty.
- 10.11 Công ty không chịu trách nhiệm đối với hậu quả của các giao dịch hoặc các hành động khác được Công ty và/hoặc bên thứ ba thực hiện theo Lệnh hoặc chỉ thị khác của một bên mạo danh không phải Khách hàng được gửi tới Công ty thông qua các số điện thoại, email hoặc bất kỳ phương tiện liên lạc/đặt Lệnh nào mà Khách hàng đã đăng ký với Công ty, với điều kiện Công ty đã thực hiện đầy đủ các trách nhiệm thẩm định, xác thực của mình theo thỏa thuận với Khách hàng và pháp luật.
- 10.12 Trong mọi trường hợp, Khách hàng cam đoan đã và sẽ tìm hiểu, nắm bắt và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của Công ty liên quan đến việc giao dịch chứng khoán, sử dụng TKCK của Khách hàng và các quy định về phòng chống rửa tiền.

A11. Hiệu lực, chấm dứt và thanh lý

11.1 Bộ T&C này áp dụng cho các Hợp đồng mở TKCK dưới đây:

- (a) Hợp đồng mở TKCK được ký trước ngày hiệu lực dưới đây nhưng sau ngày đó, Khách hàng tiếp tục sử dụng sản phẩm/dịch vụ được điều chỉnh bởi Bộ T&C này tại Công ty; và
- (b) Hợp đồng mở TKCK được ký từ ngày hiệu lực đến ngày Bộ T&C này chấm dứt hiệu lực theo thông báo trên website của Công ty.

Ngày hiệu lực của Bộ T&C này là 16/10/2023.

11.2 Hợp đồng mở TKCK có hiệu lực từ ngày ký.

11.3 Hợp đồng mở TKCK có thể bị chấm dứt theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Trong trường hợp này, quyền và nghĩa vụ của các bên khi Hợp đồng mở TKCK bị chấm dứt sẽ theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.

11.4 Công ty có quyền, nhưng không phải nghĩa vụ, đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK trong các trường hợp sau:

- (a) Khách hàng vi phạm pháp luật trong việc mở/sử dụng TKCK hoặc dịch vụ tại Công ty (kể cả có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người quản lý, nhân viên Công ty);
- (b) Công ty phải chấm dứt Hợp đồng mở TKCK theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền;

- (c) Khách hàng vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng mở TKCK hoặc quy định của Công ty trong quá trình sử dụng TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày Khách hàng nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ Công ty;
- (d) Khách hàng có hành vi lừa dối, kể cả cung cấp sai thông tin cho thủ tục “nhận biết Khách hàng” hoặc mở tài khoản hoặc các thủ tục tương đương;
- (e) Công ty đề xuất sửa đổi Hợp đồng mở TKCK mà Khách hàng không đồng ý;
- (f) Công ty ngừng thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- (g) Công ty ngừng kinh doanh chứng khoán; hoặc
- (h) Công ty thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp dẫn đến dừng hoạt động và tổ chức được hình thành từ việc tổ chức lại không kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng mở TKCK.

Công ty thực hiện quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Khách hàng. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 10 ngày sau ngày gửi thông báo.

- 11.5 Khách hàng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK nếu Công ty vi phạm cơ bản Hợp đồng mở TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ Khách hàng. Khách hàng thực hiện quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Công ty. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 10 ngày sau ngày gửi thông báo.

Khách hàng cũng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK vì bất kỳ lý do nào khác bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Công ty. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 30 ngày sau ngày gửi thông báo.

- 11.6 Cho dù Hợp đồng mở TKCK này chấm dứt trong bất kỳ tình huống nào trên đây, các bên sẽ cùng nhau tiến hành thủ tục thanh lý để cho phép:

- (a) Công ty chuyển giao tiền và tài sản còn lại trên TKCK (sau khi đã khấu trừ các loại thuế, phí và nghĩa vụ còn tồn đọng với Công ty hoặc bên thứ ba có thỏa thuận với Công ty và Khách hàng);
- (b) Khách hàng thanh toán đủ các khoản phí, chi phí và thuế còn tồn đọng (nếu có) liên quan đến TKCK; và
- (c) Công ty đóng TKCK.

- 11.7 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, việc chấm dứt Hợp đồng mở TKCK không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại Điều

PHÂN
KH
S
HỒ



A12 vẫn tiếp tục áp dụng sau khi Hợp đồng mở TKCK chấm dứt.

A12. Bảo mật và sử dụng thông tin

- 12.1 Mỗi bên có trách nhiệm bảo mật việc ký và nội dung Hợp đồng mở TKCK và chỉ được tiết lộ (i) khi được bên kia chấp thuận trước, (ii) nhằm tuân thủ pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc giải quyết tranh chấp, hoặc (iii) nhằm phục vụ việc tuân thủ nội bộ và vận hành của Công ty.
- 12.2 Khách hàng đồng ý và cho phép Công ty lưu giữ và xử lý thông tin về Khách hàng (trong đó có thông tin về tài khoản, tài sản và giao dịch) mà Công ty nhận được liên quan đến hoặc theo Hợp đồng mở TKCK, giao dịch giữa Khách hàng và Công ty hay giao dịch giữa Khách hàng và bên thứ ba qua hệ thống/dịch vụ của Công ty (gọi chung là “**thông tin**”). Công ty sẽ lưu giữ thông tin ở chế độ bảo mật và chỉ tiết lộ trong phạm vi cho phép bởi Hợp đồng mở TKCK.
- 12.3 Khách hàng đồng ý và cho phép Công ty sử dụng, lưu trữ, chia sẻ, gửi đi (kể cả ra bên ngoài địa điểm kinh doanh của Công ty) và trao đổi thông tin với người khác mà Công ty thấy cần thiết:
- (a) Nhằm cung cấp dịch vụ cho Khách hàng (gồm cả việc chia sẻ, gửi đi và trao đổi thông tin cho VSDC, các SGDCK, đối tác giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba cung cấp dịch vụ/sản phẩm cho Khách hàng phụ trợ cho dịch vụ của Công ty);
 - (b) Nhằm hỗ trợ hay tạo điều kiện cho Khách hàng sử dụng sản phẩm/dịch vụ của bên thứ ba qua Công ty;
 - (c) Để tuân thủ pháp luật Việt Nam;
 - (d) Liên quan đến hoạt động hợp pháp của Công ty nhằm tăng chất lượng dịch vụ/trải nghiệm cho Khách hàng nói chung (trong đó có hoạt động chấm điểm tín dụng (credit scoring), định giá tài sản, phân tích thị trường, nghiên cứu và phân tích nhu cầu Khách hàng và các mục đích vận hành và quản trị khác);
 - (e) Nhằm thực hiện nghĩa vụ của Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (kể cả nhằm báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền); và
 - (f) Nhằm mục đích kiểm soát rủi ro.

Khi cung cấp thông tin cho bên thứ ba (ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật, VSDC, các SGDCK hay cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), Công ty sẽ nỗ lực để bảo đảm bên thứ ba cũng phải bảo mật thông tin.

- 12.4 Khách hàng đồng ý và cho phép Công ty (trong phạm vi không bị pháp luật cấm) thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu và thực hiện giao dịch, dịch vụ báo cáo, lưu ký, giám sát, quản lý rủi ro và các dịch vụ khác được phép. Khách hàng đồng ý và cho phép Công ty tiết lộ thông tin cho bên thứ ba đó trong phạm vi Công ty cho là cần thiết trên cơ sở bên thứ ba cũng phải bảo mật thông tin.

12.5 Việc Công ty nhận và xử lý thông tin còn phải tuân theo các quy định của Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân (hoặc tương đương) do Công ty công bố.

A13. Luật điều chỉnh

Hợp đồng mở TKCK được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

A14. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng mở TKCK sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày từ ngày bắt đầu thương lượng, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

PHẦN B – ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN

B1. Phạm vi áp dụng

Phần B này áp dụng cho dịch vụ ứng trước Tiền bán chứng khoán của Công ty trên toàn bộ TKCK (kể cả tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường và Tài khoản giao dịch ký quỹ).

B2. Giải thích từ ngữ

Trong Phần B này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 2.1 **Lệnh bán:** Lệnh do Khách hàng lập và gửi cho Công ty để bán chứng khoán.
- 2.2 **Tiền bán chứng khoán:** Số tiền Khách hàng sẽ được nhận từ việc bán chứng khoán theo Lệnh bán được Công ty xác nhận là đã được khớp thành công.
- 2.3 **Phí ứng trước:** Khoản phí Khách hàng phải trả cho Công ty do sử dụng dịch vụ ứng trước Tiền bán chứng khoán theo biểu phí do Công ty quy định trong từng thời kỳ.
- 2.4 **Khoản ứng trước:** Khoản tiền Công ty chuyển vào TKCK trên cơ sở yêu cầu ứng trước của Khách hàng.
- 2.5 **Hạn mức ứng trước:** Giá trị tối đa mà Công ty có thể thực hiện giải ngân ứng trước Tiền bán chứng khoán cho Khách hàng, bao gồm: Tổng hạn mức tại Công ty; Hạn mức đối với từng Khách hàng; Hạn mức đối với từng mã chứng khoán; Hạn mức theo từng kênh giao dịch (trực tiếp tại quầy, qua điện thoại, giao dịch điện tử); Hạn mức theo phương thức giao dịch (giao dịch khớp lệnh, giao dịch thỏa thuận).

B3. Dịch vụ này được cung cấp như thế nào?

- 3.1 Khi đăng ký mở TKCK, Khách hàng được coi là đăng ký sử dụng dịch vụ ứng trước Tiền bán chứng khoán của Công ty. Trên cơ sở yêu cầu của Khách hàng (đã được lập phù hợp), Công ty có thể đồng ý hoặc từ chối ứng trước một phần hoặc toàn bộ Tiền bán chứng khoán cho Khách hàng.
- 3.2 Công ty có thể tự động ứng trước Tiền bán chứng khoán trên TKCK nếu Khách hàng có nghĩa vụ tài chính đến hạn với Công ty, kể cả nghĩa vụ phải thanh toán trên Tài khoản giao dịch ký quỹ của Khách hàng trước hoặc sau thời điểm giao dịch bán chứng khoán được ứng trước. Nếu Khách hàng có nhiều giao dịch bán chứng khoán chưa thu Tiền bán chứng khoán, Công ty sẽ sử dụng Khoản ứng trước của các giao dịch bán chứng khoán xảy ra trước cho đến khi đủ số tiền yêu cầu.
- 3.3 Trong mọi trường hợp, Khoản ứng trước không vượt quá số tiền nhỏ hơn trong hai số tiền sau:
 - (a) Tiền bán chứng khoán trừ phí giao dịch, Phí ứng trước, thuế và phí khác theo quy định pháp luật (nếu có); hoặc
 - (b) Hạn mức ứng trước còn lại của Công ty.

Bằng việc gửi yêu cầu ứng trước Tiền bán chứng khoán và phụ thuộc vào việc được Công ty ứng trước theo yêu cầu đó, Khách hàng đồng ý để Công ty được toàn quyền và tự động thu hồi

Khoản Tiền bán chứng khoán đã ứng trước ngay khi Khách hàng nhận được khoản Tiền bán chứng khoán từ VSDC mà không cần thực hiện thêm bất kỳ thủ tục thông báo hay xin chấp thuận nào khác.

B4. Quý khách có quyền và nghĩa vụ gì?

- 4.1 Khách hàng có quyền gửi yêu cầu ứng trước Tiền bán chứng khoán khi đáp ứng điều kiện như đã nêu tại Điều B3.
- 4.2 Khách hàng đồng ý để Công ty được tự động khấu trừ tiền từ TKCK để hoàn trả toàn bộ Khoản ứng trước và Phí ứng trước. Khách hàng cam kết không đưa ra khiếu nại, khiếu kiện về việc Công ty khấu trừ tiền từ TKCK như vậy.
- 4.3 Nếu kết quả khớp lệnh bị hủy thanh toán theo thông báo của VSDC vì bất kỳ lý do nào thì Khách hàng phải hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ Khoản ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của Công ty.
- 4.4 Khách hàng mặc nhiên chấp thuận mọi Hạn mức ứng trước của Công ty. Khách hàng hiểu và chấp thuận rằng việc Công ty đáp ứng yêu cầu ứng trước Tiền bán chứng khoán của Khách hàng phụ thuộc vào Hạn mức ứng trước của Công ty.
- 4.5 Khách hàng đồng ý rằng tất cả chứng khoán (đang có trong TKCK hoặc đang chờ về đối với giao dịch mua), tiền trên TKCK đều đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán đối với tất cả các Khoản ứng trước. Trong mọi trường hợp khi đến hạn thanh toán đối với Khoản ứng trước, tiền trong TKCK của Khách hàng không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán (bao gồm cả việc Công ty đã xử lý chứng khoán trong TKCK của Khách hàng), Khách hàng có nghĩa vụ bổ sung đủ tiền để hoàn trả Khoản ứng trước.

B5. Công ty có quyền và nghĩa vụ gì?

- 5.1 Công ty được tự động khấu trừ TKCK để thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng liên quan đến việc ứng trước Tiền bán chứng khoán mà không cần có Lệnh hay chấp thuận của Khách hàng.
- 5.2 Công ty được đơn phương ngưng cung cấp dịch vụ cho Khách hàng nếu Công ty xét thấy việc cung cấp dịch vụ có thể gây rủi ro, tổn thất cho Công ty hoặc việc cung cấp dịch vụ không phù hợp với chính sách, điều kiện hoạt động của Công ty.
- 5.3 Công ty có quyền ấn định, thay đổi các Hạn mức ứng trước mà không cần phải thông báo cho Khách hàng.
- 5.4 Công ty có quyền bán chứng khoán trên TKCK để thu hồi Khoản ứng trước đến hạn thanh toán trong trường hợp tiền trong TKCK của Khách hàng không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

B6. Các vấn đề khác

Tùy từng thời kỳ, dịch vụ ứng trước Tiền bán chứng khoán có thể được thực hiện qua nguồn của Công ty hoặc bên thứ ba. Khách hàng đồng ý rằng nếu việc ứng trước được thực hiện qua nguồn của bên thứ ba, ngoài việc tuân thủ Phần B này, Khách hàng cũng sẽ tuân thủ quy định của bên thứ ba đó về việc ứng trước Tiền bán chứng khoán.

PHẦN C – GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

C1. Phạm vi áp dụng

Phần C này điều chỉnh việc Khách hàng sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử để (i) nhận, đọc và gửi Thông điệp dữ liệu; (ii) đưa ra và gửi Lệnh điện tử; (iii) đưa ra và gửi Chấp thuận điện tử; (iv) ký kết và chuyển giao Hợp đồng điện tử; và (v) thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống khác. Phần C này cũng điều chỉnh việc sử dụng Số điện thoại và Thư điện tử cho một số mục đích nhất định.

C2. Quan hệ với các hợp đồng/thỏa thuận khác

Phần C này bổ sung cho các hợp đồng, thỏa thuận khác giữa Công ty và Khách hàng trong phạm vi liên quan đến đối tượng điều chỉnh của Phần C này. Nếu có sự không thống nhất giữa Phần C này và bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận nào liên quan đến đối tượng điều chỉnh của Phần C này thì Phần C này sẽ được ưu tiên áp dụng.

C3. Giải thích từ ngữ

Trong Bộ T&C này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 3.1 **Chấp thuận điện tử:** Chấp thuận, phê duyệt, cho phép, đồng ý hoặc tương đương do Khách hàng lập và gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử, từ Số điện thoại hoặc từ Thư điện tử. Chấp thuận điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm).
- 3.2 **Chữ ký số:** Chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
- 3.3 **Hệ thống giao dịch điện tử:** Tập hợp các Ứng dụng điện tử, Website giao dịch, Tổng đài giao dịch qua điện thoại và hệ thống khác được Công ty sử dụng để cho phép Khách hàng truy cập vào TKCK và thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng internet hoặc qua điện thoại.
- 3.4 **Hợp đồng điện tử:** Hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, bản ghi nhớ, phụ lục hợp đồng hoặc tương đương được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử và được ký, ký kết và chuyển giao thông qua Hệ thống giao dịch điện tử (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại).
- 3.5 **Lệnh điện tử:** Lệnh do Khách hàng lập gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử. Lệnh điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm). Lệnh điện tử có thể được thể hiện qua một thao tác hoặc chuỗi thao tác trên Hệ thống giao dịch điện tử (ví dụ Lệnh chuyển tiền có thể được thiết lập trên cơ sở thao tác chuyển tiền trên TKCK).
- 3.6 **Mật khẩu:** Gồm tên truy cập (user), tên định danh (identification), mật khẩu dùng nhiều lần, mật khẩu dùng một lần (one-time password - OTP), khóa token (token key), mã xác thực (authentication code), mã PIN (personal identification number), đặc điểm sinh trắc học (vân tay, mống mắt hay khuôn mặt) và phương thức/thông điệp xác thực khác cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng tạo, chọn hay đăng ký sử dụng liên quan đến TKCK.

3.7 Thao tác/giao dịch trên hệ thống gồm:

- (a) Truy cập, xem và kiểm tra thông tin và các thao tác khác trên TKCK;
- (b) Gửi, nhận, xem và đọc Thông điệp dữ liệu;
- (c) Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Lệnh điện tử;
- (d) Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Chấp thuận điện tử;
- (e) Xem, từ chối hay ký kết Hợp đồng điện tử; và
- (f) Các thao tác khác có trên Hệ thống giao dịch điện tử.

3.8 Thông điệp dữ liệu: Thông tin liên lạc, chấp thuận, thông báo, báo cáo danh mục, báo cáo đầu tư, báo cáo phân tích, báo cáo thuộc loại khác, sao kê tài khoản, sao kê giao dịch, bản công bố thông tin, bản cáo bạch, tuyên bố và thông điệp thuộc loại khác dưới dạng thông điệp dữ liệu (điện tử), bao gồm cả lời nói ghi âm từ cuộc gọi đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại, được tạo ra, gửi đi, tiếp nhận và được lưu trữ trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc đến các phương thức giao tiếp điện tử được Công ty cung cấp cho Khách hàng tại từng thời điểm. Thông điệp dữ liệu gồm cả Chấp thuận điện tử và Lệnh điện tử.

3.9 Tổng đài giao dịch qua điện thoại: Hệ thống tổng đài điện thoại có chức năng ghi âm, quản lý, tra cứu cuộc gọi và có dự phòng của Công ty (gồm cả hệ thống trao đổi bằng giọng nói (audio) hay giọng nói kèm hình ảnh (video) dựa trên kết nối internet).

3.10 Ứng dụng di động (Mobile Apps): Chương trình máy tính, phần mềm ứng dụng được thiết kế để vận hành trên thiết bị di động nhằm đáp ứng nhu cầu của người sử dụng như thông tin, giải trí, học tập, nghiên cứu, phục vụ công việc.

3.11 Ứng dụng di động giao dịch điện tử (e-Transaction Mobile Apps): Ứng dụng di động cho phép người dùng tương tác, truy vấn thông tin, trao đổi, thực hiện một phần hoặc toàn bộ quy trình hoạt động giao dịch điện tử với chủ sở hữu ứng dụng hoặc các tổ chức, người dùng ứng dụng khác.

3.12 Ứng dụng điện tử: Ứng dụng di động giao dịch điện tử do Công ty hoặc đối tác của Công ty sở hữu hoặc được cấp quyền sử dụng và phát hành trên website của Công ty, Google Play Store, App Store hoặc kho ứng dụng/phần mềm khác để Khách hàng tải về và cài đặt trên điện thoại, máy tính (computer) hay thiết bị điện tử khác nhằm truy cập vào TKCK và thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng internet.

3.13 Website giao dịch: Phần của trang thông tin điện tử của Công ty mà Khách hàng có thể truy cập vào TKCK để thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống.

C4. Hệ thống giao dịch điện tử

4.1 Ứng dụng điện tử, Website giao dịch, Tổng đài giao dịch qua điện thoại hay hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử được hiểu là các phiên bản ứng dụng, phần mềm hay hệ thống được Công ty công bố công khai trên trang thông tin điện tử của mình hoặc theo cách khác



trong từng thời kỳ hoặc được ghi trên Hợp đồng mở TKCK.

- 4.2 Khi tải, cài đặt và sử dụng Ứng dụng điện tử, Website giao dịch hay hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử và thực hiện việc truy cập vào TKCK, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc sử dụng ứng dụng, phần mềm hay hệ thống đó như là một phần của Hệ thống giao dịch điện tử cho các mục đích được quy định trong Phần C này.
- 4.3 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác trong phần khác của Hợp đồng mở TKCK, bằng Phần C này, Khách hàng đồng ý sử dụng Tổng đài giao dịch qua điện thoại để đặt/gửi một số Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử và thực hiện một số Thao tác/giao dịch trên hệ thống giới hạn khác liên quan đến TKCK. Trừ trường hợp được Công ty đồng ý khác đi, mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng qua Tổng đài giao dịch qua điện thoại phải được thực hiện từ Số điện thoại.
- 4.4 Khi Khách hàng lựa chọn bất kỳ phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử, Khách hàng được coi là đã thể hiện ý chí của mình theo nội dung hiển thị trên phím/nút đó và chấp nhận sự ràng buộc bởi lựa chọn đó. Ví dụ, nếu Khách hàng lựa chọn phím “Đồng ý” (hay “Agree”), “Ký” (hay “Sign”) hoặc “Xác nhận” (hay “Confirm”) ngay bên dưới một Hợp đồng điện tử thì Khách hàng được coi là đã ký kết Hợp đồng điện tử đó. Khách hàng cũng bị ràng buộc bởi bất kỳ thao tác nào khác mà Khách hàng thực hiện trên Hệ thống giao dịch điện tử, kể cả đặt/gửi Lệnh điện tử bằng cách gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại.

C5. Nhận và gửi thông tin

5.1 Nhận thông tin

- (a) Mọi Thông điệp dữ liệu từ Công ty hoặc từ tổ chức/cá nhân khác thông qua Công ty sẽ được coi là gửi hợp lệ cho Khách hàng nếu được gửi theo một trong các phương thức sau:
 - (i) Gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử đến địa chỉ là tên truy cập TKCK (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là thời điểm ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử); hoặc
 - (ii) Gửi đến Thư điện tử (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là khi thư có liên quan được gửi vào đúng Thư điện tử và thư gửi đã được lưu vào mục “Thư đi” (Sent) trong hòm thư của người gửi và trong vòng 24h kể từ thời điểm thư đó được lưu, người gửi không nhận được thông báo tự động nào về việc thư đó không được gửi thành công).
- (b) Mật khẩu mà Công ty cấp cho Khách hàng để thực hiện Thao tác/giao dịch trên hệ thống cũng có thể được gửi cho Khách hàng theo một trong các phương thức trên.
- (c) Công ty cũng có thể gửi thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện đến Số điện thoại và có ghi âm. Thời điểm Khách hàng được coi là đã nhận được thông báo là khi cuộc gọi kết thúc. Nếu thông báo đã được truyền tải bằng cách gọi điện phải được lập bằng văn bản (theo thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của pháp luật) thì sau khi gọi điện, Công ty phải gửi Thông điệp dữ liệu chứa thông báo đó theo một trong các phương thức trên đây để

Khách hàng lưu giữ.

5.2 Xem và đọc thông tin

Khách hàng có thể xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử thay cho việc Công ty cung cấp tài liệu in trực tiếp để Khách hàng xem và đọc. Việc Khách hàng xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử như vậy có giá trị pháp lý như việc Công ty cung cấp tài liệu in trực tiếp cho Khách hàng (trừ khi có sai sót trong nội dung hiển thị do lỗi kỹ thuật phát sinh do Công ty).

5.3 Gửi thông tin

Khách hàng có thể gửi Thông điệp dữ liệu cho Công ty hay cho tổ chức/cá nhân khác thông qua Công ty qua Hệ thống giao dịch điện tử (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại). Thời điểm Khách hàng gửi đi là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử.

5.4 Tải (upload) tài liệu

Trong trường hợp Hệ thống giao dịch điện tử có chức năng tải (upload) tài liệu thì các quy định sau sẽ áp dụng:

- (a) Chức năng đó được sử dụng như một phương thức hợp lệ để Khách hàng gửi Thông điệp dữ liệu cho Công ty.

Trừ khi quy định về Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử hay Hợp đồng điện tử dưới đây có nội dung khác, chức năng đó cũng được sử dụng như một phương thức hợp lệ để Khách hàng gửi Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử hay ký và gửi Hợp đồng điện tử (tùy trường hợp áp dụng). Trong trường hợp đó, các quy định tại Khoản 5.4 của Điều C5 này cũng áp dụng đối với Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử hay Hợp đồng điện tử (tùy trường hợp áp dụng) được tải lên như vậy.

- (b) Đối với việc tải lên tài liệu, Công ty sẽ áp dụng giải pháp xác thực có độ an toàn tối thiểu tương đương giải pháp xác thực hai yếu tố theo quy định của Công ty trong từng thời kỳ.
- (c) Mọi tài liệu được Khách hàng tải lên đúng thao tác trong chức năng đó được coi là gửi cho Công ty qua phương thức điện tử và có giá trị như bản gốc, ràng buộc Khách hàng. Khi sử dụng chức năng đó để tải tài liệu, Khách hàng đồng ý và thừa nhận giá trị của tài liệu tải lên và chịu trách nhiệm với nội dung của tài liệu. Khách hàng công nhận rằng Công ty có quyền sử dụng tài liệu được tải lên làm bằng chứng hợp lệ để bảo vệ quyền lợi của Công ty; Khách hàng công nhận giá trị không thể tranh cãi của bằng chứng đó.
- (d) Khách hàng đồng ý rằng tài liệu tải lên sẽ có giá trị cao hơn so với tài liệu giấy gốc nếu có bất kỳ sự không thống nhất nào giữa tài liệu tải lên và tài liệu giấy gốc.
- (e) Chữ ký của Khách hàng trong tài liệu tải lên không phải là yêu cầu bắt buộc đối với giá trị của tài liệu. Nếu tài liệu tải lên có chữ ký và chữ ký đó không trùng khớp với chữ ký của Khách hàng hoặc được kết luận không phải chữ ký của Khách hàng thì tài liệu vẫn có giá trị ràng buộc Khách hàng do đã được xác thực đầy đủ theo quy định trên. Công



ty có quyền thực hiện yêu cầu, đề nghị, đề xuất, chỉ thị hay phê duyệt chứa trong tài liệu do Khách hàng tải lên ngay cả khi không có chữ ký của Khách hàng trên tài liệu hay có chữ ký nhưng khác biệt với chữ ký của Khách hàng lưu trữ trong hệ thống của Công ty.

- (f) Khách hàng mặc nhiên công nhận rằng nếu tài liệu tải lên có chứa đựng yêu cầu, đề nghị, chỉ thị hay phê duyệt thì yêu cầu, đề nghị, chỉ thị hay phê duyệt đó phản ánh trung thực và đầy đủ ý chí của Khách hàng. Khách hàng mặc nhiên công nhận và chấp thuận kết quả giao dịch hay mọi hành động/không hành động do Công ty thực hiện theo đề nghị, yêu cầu, chỉ thị hay phê duyệt chứa trong tài liệu đó.
- (g) Công ty có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) từ chối thực hiện bất kỳ yêu cầu, đề nghị, chỉ thị hay phê duyệt nào chứa đựng trong tài liệu được tải lên nếu tài liệu bị mờ, không rõ, chưa điền đầy đủ thông tin cần thiết, thông tin trong tài liệu mâu thuẫn nhau hay thông tin trong tài liệu không nhất quán với thông tin đang có trong hệ thống của Công ty. Công ty cũng có quyền từ chối thực hiện nếu tài liệu tải lên không theo đúng mẫu do Công ty quy định (áp dụng khi có quy định của Công ty hay có thỏa thuận giữa Công ty và Khách hàng rằng tài liệu phải được lập theo đúng mẫu do Công ty quy định).
- (h) Tại từng thời điểm và tùy từng loại tài liệu, Công ty có thể yêu cầu Khách hàng gửi/cung cấp bản gốc bằng giấy của tài liệu đã tải lên. Khách hàng đồng ý rằng yêu cầu đó không được diễn giải hay ngụ ý là tài liệu được tải lên không có giá trị ràng buộc Khách hàng hay bản gốc bằng giấy của tài liệu có giá trị cao hơn. Dù Khách hàng có gửi/cung cấp bản gốc bằng giấy của tài liệu cho Công ty hay không thì giá trị của tài liệu được tải lên không bị ảnh hưởng.
- (i) Khách hàng công nhận rằng chức năng này được Công ty cung cấp chỉ cho các hoạt động phục vụ Khách hàng của Công ty nên Khách hàng cam kết (i) không lạm dụng chức năng này, (ii) không tải lên tài liệu rác, tài liệu không liên quan đến nghiệp vụ mà chức năng hỗ trợ, (iii) không tải lên tài liệu có chứa virus, mã độc hay phần mềm độc hại, phá hoại hệ thống của Công ty, và (iv) không tải lên tài liệu khi chưa điền đủ thông tin cần thiết theo mẫu (nếu tài liệu tải lên cần phải theo mẫu).

5.5 Giá trị của thông tin

- (a) Thông tin trong Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng Thông điệp dữ liệu;
- (b) Trường hợp pháp luật hay hợp đồng/thỏa thuận của các bên yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì Thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này;
- (c) Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc; và
- (d) Thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ và giá trị này không thể bị phủ nhận chỉ vì đó là một Thông điệp dữ liệu.

C6. Giao kết, chuyển giao và thực hiện Hợp đồng điện tử

- 6.1 Hợp đồng điện tử có thể được ký kết trên Hệ thống giao dịch điện tử theo các thao tác ghi trên

đó. Việc ký kết Hợp đồng điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử phải được xác thực theo quy định tại Điều C8.

- 6.2 Hợp đồng điện tử có thể được ký bằng Chữ ký số của một bên và Hợp đồng điện tử đã ký bằng Chữ ký số được coi là được chuyển giao hợp lệ nếu được gửi theo một trong các phương thức quy định tại Điều C5.
- 6.3 Việc ký kết Hợp đồng điện tử có thể theo một trong các hình thức sau:
 - (a) Toàn văn Hợp đồng điện tử được hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc đề nghị giao kết được gửi đến Khách hàng và mỗi bên ký bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc gửi Chấp thuận điện tử, tùy từng trường hợp;
 - (b) Đối với các Hợp đồng điện tử được Công ty đề xuất, Khách hàng được coi là đã đồng ý và chấp thuận bằng việc không phản đối đề nghị giao kết trong thời hạn nêu tại đề nghị giao kết; hoặc
 - (c) Hình thức khác được các bên thỏa thuận hoặc có sẵn trên Hệ thống giao dịch điện tử.
- 6.4 Thời điểm một bên ký kết Hợp đồng điện tử sẽ là thời điểm ghi nhận trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc hệ thống khác của Công ty.
- 6.5 Hợp đồng điện tử được ký kết theo Điều C6 này có giá trị pháp lý đầy đủ và ràng buộc các bên ký kết như một hợp đồng, thỏa thuận được ký kết theo phương thức ký trực tiếp truyền thống. Giá trị pháp lý của Hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó được thể hiện dưới dạng Thông điệp dữ liệu.

C7. Đặt Lệnh điện tử và gửi Chấp thuận điện tử

- 7.1 Khách hàng có thể đặt Lệnh điện tử và gửi Chấp thuận điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử. Thời điểm Khách hàng đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử.
- 7.2 Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử bằng cách gọi từ Số điện thoại đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại. Mọi cuộc gọi của Khách hàng đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại sẽ được ghi âm lưu trữ đầy đủ, đảm bảo an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu. Nếu có yêu cầu của Công ty hay pháp luật, sau khi gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại, Khách hàng phải gửi Lệnh, văn bản chấp thuận được ký bằng tay hoặc Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt/gửi theo phương thức khác chứa đựng Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt hay đưa ra trong cuộc gọi.
- 7.3 Nếu Khách hàng đăng ký và được Công ty chấp thuận (hoặc các bên có thỏa thuận), Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử từ Thư điện tử.
- 7.4 Khách hàng có thể đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử qua chức năng tải (upload) tài liệu trong Hệ thống giao dịch điện tử. Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử khi được gửi qua chức năng này có giá trị như Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được gửi qua internet.

- 7.5 Công ty chỉ phải thực hiện Lệnh điện tử được gửi hợp lệ từ Khách hàng sau khi thực hiện giải pháp xác thực quy định tại Điều C8 dưới đây.
- 7.6 Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử chỉ có giá trị nếu có đủ thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và Công ty.
- 7.7 Khách hàng đồng ý rằng việc gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử có thể cấu thành giao kết Hợp đồng điện tử với Công ty hay đối tác có liên quan.
- 7.8 Khách hàng đồng ý rằng Công ty có quyền đặt ra một số yêu cầu/quy định/hạn chế về mặt hình thức, phương tiện hay phương thức thực hiện gửi đối với một số loại Lệnh điện tử hoặc Chấp thuận điện tử. Các Lệnh điện tử hoặc Chấp thuận điện tử không thỏa mãn các yêu cầu trên đây sẽ được coi là các Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử không hợp lệ.
- 7.9 Khách hàng đồng ý rõ ràng rằng khi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt, gửi và chuyển cho Công ty phù hợp với Điều C7 này:
- (a) Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó có giá trị pháp lý và ràng buộc đầy đủ đối với Khách hàng;
 - (b) Công ty được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (Khách hàng ủy quyền cho Công ty toàn quyền thực hiện toàn bộ các giao dịch cần thiết, lập, ký thay các hợp đồng, thỏa thuận, phiếu Lệnh hoặc các hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác có liên quan trên TKCK của Khách hàng nhằm hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử nêu trên; Công ty sẽ hoàn thành việc lập, ký thay các hồ sơ, chứng từ có liên quan nêu trên trong vòng 03 (ba) ngày giao dịch từ ngày Khách hàng đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử);
 - (c) Nếu Công ty nhận được bất kỳ phiếu Lệnh hay văn bản nào từ Khách hàng theo phương thức khác (ví dụ nộp trực tiếp) mà có nội dung khác với Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đã được gửi trước đó thì Công ty vẫn được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử trừ khi Công ty và Khách hàng đã thống nhất được việc hủy Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó; và
 - (d) Công ty không phải chịu trách nhiệm với Khách hàng về bất kỳ hành động hay không hành động nào mà Công ty thực hiện theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (kể cả hành động chuyển tiền, bán chứng khoán mà Công ty tiến hành dựa trên Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó).

C8. Quy định về xác thực

- 8.1 Đối với việc giao kết Hợp đồng điện tử hay thực hiện gửi Lệnh điện tử, Công ty sẽ áp dụng giải pháp xác thực có độ an toàn tối thiểu tương đương giải pháp xác thực hai yếu tố trở lên. Việc xác thực hai yếu tố sẽ theo quy định của pháp luật có liên quan (kể cả quy định về lần thực hiện giao dịch).
- 8.2 Giải pháp xác thực hai yếu tố thông qua SMS (SMS OTP) sẽ được mặc định áp dụng cho Khách hàng đối với số điện thoại di động đã được Khách hàng đăng ký trên Hợp đồng mở TKCK.

2 -
NG
PH
G K
KS
P T



Khách hàng có quyền đăng ký sử dụng các giải pháp xác thực hai yếu tố khác do Công ty cung cấp (nếu có) vào bất kỳ thời điểm nào sau khi hoàn tất ký kết Hợp đồng mở TKCK.

- 8.3 Hợp đồng điện tử chỉ được coi là đã được giao kết bởi Khách hàng một khi được Khách hàng ký kết phù hợp với Điều C6 và tất cả thông tin do Khách hàng cung cấp theo giải pháp xác thực nêu trên đã được so khớp với thông tin Khách hàng đã đăng ký và lưu trong Hệ thống giao dịch điện tử hoặc thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống giao dịch điện tử (áp dụng đối với thông tin xác thực là thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống giao dịch điện tử và gửi cho Khách hàng như mật khẩu sử dụng một lần (OTP) hay mã xác nhận (authentication code)). Quy định này cũng áp dụng tương tự cho việc gửi và thực hiện Lệnh điện tử.
- 8.4 Trừ trường hợp pháp luật có yêu cầu rõ ràng hoặc theo quy định của Công ty, việc xác thực hai yếu tố không áp dụng đối với Chấp thuận điện tử hay Thông điệp dữ liệu.

C9. Quyền và nghĩa vụ của các bên

9.1 Quyền và nghĩa vụ của Công ty

- (a) Công ty có trách nhiệm xây dựng Hệ thống giao dịch điện tử đáp ứng được yêu cầu của pháp luật để thực hiện giao dịch điện tử, giao dịch chứng khoán trực tuyến.
- (b) Công ty phải lưu trữ thông tin, dữ liệu, văn bản, tài liệu liên quan đến Khách hàng (kể cả Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử và Hợp đồng điện tử) theo đúng yêu cầu của pháp luật.
- (c) Công ty có toàn quyền bổ sung, xóa bớt tính năng, điều chỉnh giao diện, thay đổi cấu trúc hoặc thực hiện bất kỳ điều chỉnh/thay đổi nào khác đối với Hệ thống giao dịch điện tử mà không cần thông báo cho Khách hàng (trừ trường hợp pháp luật yêu cầu phải thông báo). Trong trường hợp này, bằng việc tiếp tục sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử đã được điều chỉnh/thay đổi như vậy, Khách hàng được coi là chấp nhận toàn bộ thay đổi/điều chỉnh đó.
- (d) Công ty được thu phí cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử theo mức phí công khai trên trang thông tin điện tử của mình.
- (e) Công ty không chịu trách nhiệm đối với Khách hàng về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống giao dịch điện tử mà:
 - (i) Phát sinh do xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - (ii) Phát sinh do Khách hàng làm lộ Mật Khẩu hoặc thông tin truy cập TKCK hoặc bằng bất kỳ cách nào khác khiến cho bất kỳ người nào khác ngoài Khách hàng gửi các Thông điệp dữ liệu từ các thiết bị có thông tin đã được Khách hàng đăng ký với Công ty tới Hệ thống điện tử; hoặc
 - (iii) Phát sinh không do lỗi của Công ty đối với Phần C này hoặc theo quy định pháp luật.

- (f) Công ty cũng được miễn trách nhiệm đối với Khách hàng cho bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống giao dịch điện tử do Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng bị sai sót, bị gián đoạn, bị cản trở hoặc bị chậm trễ do:
- (i) Hệ thống xử lý, hệ thống đường truyền của Công ty gặp trục trặc hay sự cố kỹ thuật;
 - (ii) Hệ thống thông tin liên lạc, đặt Lệnh, chỉ thị và thực hiện Lệnh, chỉ thị giữa Khách hàng và Công ty bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;
 - (iii) Hệ thống thông tin liên lạc, đặt Lệnh, chỉ thị và thực hiện Lệnh, chỉ thị giữa Công ty và bất kỳ bên thứ ba nào (kể cả SGDCK hay VSDC) bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;
 - (iv) Công ty phải thực hiện thêm việc xác thực/kiểm tra khi có bằng chứng hoặc lý do khác để nghi ngờ Thao tác/giao dịch trên hệ thống đó không do chính Khách hàng thực hiện;
 - (v) Việc xác thực không thành công; hoặc
 - (vi) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- (g) Công ty có quyền gửi tin nhắn hoặc gọi điện đến Số điện thoại hoặc gửi thư đến Thư điện tử. Bằng việc ký Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng đồng ý một cách rõ ràng để Công ty có quyền gửi các tin nhắn, thư điện tử hoặc cuộc gọi đến Số điện thoại để giới thiệu về các sản phẩm, dịch vụ đang được Công ty hoặc đối tác của Công ty cung cấp nhằm mở rộng, nâng cao tiện ích và trải nghiệm dịch vụ của Khách hàng.
- (h) Công ty không đưa ra bất kỳ cam đoan hay cam kết nào về (i) sự chính xác, đầy đủ hay kịp thời của Hệ thống giao dịch điện tử, hoặc (ii) khả năng không bị gián đoạn hay mắc lỗi của Hệ thống giao dịch điện tử.
- (i) Công ty có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Phần C này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với Khách hàng và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

9.2 Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

- (a) Khách hàng được cấp quyền sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử sau khi đã cài đặt và chấp thuận các điều khoản và điều kiện áp dụng cho ứng dụng, phần mềm hay hệ thống tương ứng (quyền sử dụng của Khách hàng là không độc quyền, không được chuyển giao và có thể bị rút lại theo toàn quyền quyết định của Công ty).
- (b) Khách hàng có trách nhiệm quản lý, theo dõi, kiểm soát và sử dụng TKCK và bảo đảm sự chính xác của Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử.
- (c) Khách hàng không được sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử để thực hiện giao dịch trái pháp luật.

- (d) Khách hàng phải sử dụng thiết bị điện tử có hệ điều hành tương thích để cài đặt và sử dụng Ứng dụng điện tử; Khách hàng có trách nhiệm tự đảm bảo an ninh, an toàn và bảo mật đối với các tài khoản và thiết bị của mình.
- (e) Khách hàng không được phát tán virus, sử dụng hay phát tán phần mềm độc hại hay thực hiện bất kỳ hành vi nào phá hoại, can thiệp hoặc dịch ngược lại Hệ thống giao dịch điện tử.
- (f) Khách hàng phải tự ghi nhớ và chịu trách nhiệm lưu giữ và bảo mật thông tin TKCK và tất cả Mật khẩu cho riêng mình; Khách hàng không được chia sẻ thông tin TKCK hay Mật khẩu với bất kỳ ai khác nếu không được Công ty chấp thuận rõ ràng bằng văn bản.
- (g) Khách hàng tự chịu trách nhiệm đối với mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống được thực hiện đối với TKCK (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ Thao tác/giao dịch trên hệ thống nào được thực hiện đối với TKCK đều mặc nhiên được hiểu là được chính Khách hàng thực hiện trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và Công ty xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất Mật khẩu hoặc thiết bị điện tử có cài đặt Hệ thống giao dịch điện tử).
- (h) Khách hàng đảm bảo mọi thông tin của Khách hàng trong Hợp đồng mở TKCK là chính xác. Khách hàng cũng tự chịu trách nhiệm đối với mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử đều mặc nhiên được hiểu là do chính Khách hàng đặt và gửi đi trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và Công ty xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng đã lưu thông tin Thư điện tử).
- (i) Khách hàng phải thông báo cho Công ty ngay sau khi (i) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử cài đặt Ứng dụng điện tử hay hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) bị mất hoặc bị đánh cắp điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại; hoặc (iii) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng đã lưu thông tin Thư điện tử.
- (j) Khách hàng phải thông báo ngay cho Công ty khi gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử hay ký kết Hợp đồng điện tử mà không được xác thực theo quy định tại Điều C8.
- (k) Khách hàng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty theo quy định của pháp luật phát sinh từ:
 - (i) hành vi lừa dối của Khách hàng;
 - (ii) hành vi vi phạm Phần C này của Khách hàng;
 - (iii) hành vi sử dụng sai mục đích Hệ thống giao dịch điện tử; hoặc
 - (iv) hành vi sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử cho các giao dịch hay hoạt động trái

pháp luật.

- (l) Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Phần C này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với Công ty và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

C10. Công bố rủi ro

Khách hàng đồng ý rằng việc sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử, Số điện thoại và Thư điện tử luôn gắn với rủi ro và Khách hàng đã hiểu rõ các rủi ro đó. Dưới đây là một số rủi ro (Khách hàng đồng ý rằng danh sách này không phải là danh sách đầy đủ các rủi ro có thể ảnh hưởng đến việc sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử, Số điện thoại và Thư điện tử):

- 10.1 **Rủi ro tắc nghẽn/gián đoạn hệ thống:** Rủi ro này thể hiện thông qua việc nghẽn đường truyền, đứt đường truyền hay quá tải đường truyền kết nối giữa Khách hàng với Công ty, hoặc giữa Công ty với các hệ thống giao dịch, thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán giữa Công ty và các SGDCK, VSDC, hoặc các bên đối tác khác, hoặc hệ thống của các SGDCK không tiếp nhận và xử lý Lệnh giao dịch của Khách hàng. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử, hoặc (ii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở, hoặc (iii) các Lệnh giao dịch không thể thực thi.
- 10.2 **Rủi ro hệ thống bị tấn công:** Rủi ro này thể hiện thông qua việc thiết bị điện tử của Khách hàng cài đặt Hệ thống giao dịch điện tử, mạng nội bộ của Công ty hoặc mạng kết nối giữa Công ty và các bên thứ ba có liên quan bị nhiễm virus, bị xâm nhập, can thiệp trái phép, bị chiếm quyền điều khiển hay bị tấn công. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) thông tin TKCK bị lộ, bị đánh cắp, bị xóa hoặc bị chỉnh sửa; (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị thực hiện bởi người khác và/hoặc (iv) Thao tác/giao dịch trên hệ thống do Khách hàng thực hiện bị chỉnh sửa, bị làm sai lệch, bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.
- 10.3 **Rủi ro từ lỗi ứng dụng/phần mềm:** Rủi ro này tồn tại ở dạng có lỗi xây dựng, thiết kế phần mềm dùng để chạy Hệ thống giao dịch điện tử hoặc mạng nội bộ của Công ty hoặc mạng kết nối giữa Công ty và các bên thứ ba có liên quan. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử, (ii) thông tin TKCK không hiển thị đầy đủ hoặc sai lệch, và/hoặc (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.
- 10.4 **Rủi ro con người:** Rủi ro này phát sinh từ việc có sự can thiệp trái phép của người khác đối với thông tin TKCK hoặc truy cập trái phép TKCK. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) thông tin TKCK bị lộ, không hiển thị đầy đủ hoặc bị chỉnh sửa; và/hoặc (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị thực hiện bởi người khác không phải Khách hàng.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

PHẦN D – GIAO DỊCH KÝ QUỸ

D1. Giải thích từ ngữ

Trong Phần D này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1 **Tài khoản giao dịch ký quỹ (TKGDKQ):** Tài khoản được Công ty mở cho Khách hàng theo đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ tại Công ty.
- 1.2 **Giao dịch ký quỹ (GDKQ):** Giao dịch Khách hàng mua chứng khoán bằng một phần vốn tự có của mình và một phần vốn Công ty (hoặc bên thứ ba) cho vay theo cách thức quy định tại Phần D này.
- 1.3 **Dư nợ vay GDKQ (Dư nợ):** Số tiền Khách hàng còn nợ Công ty trên TKGDKQ, gồm cả gốc, các loại lãi cộng dồn cùng các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh trên TKGDKQ.
- 1.4 **Dư nợ quy đổi:** Dư nợ sau điều chỉnh: tiền mặt, tiền bán chờ thanh toán, các khoản ứng trước, giá trị ký quỹ mua trong ngày của lệnh đã khớp và chưa khớp.
- 1.5 **Tiền bán chứng khoán:** Số tiền bán chứng khoán trên TKGDKQ sẽ được nhận về tại ngày thanh toán sau khi đã trừ các khoản phí, thuế giao dịch có liên quan.
- 1.6 **Tổng giá trị tài sản:** Gồm toàn bộ tiền mặt, tiền bán chứng khoán sẽ nhận về của Khách hàng, và tổng giá trị chứng khoán trên TKGDKQ.
- 1.7 **Giá trị tài sản ròng:** Bằng Tổng giá trị tài sản trừ đi (-) Dư nợ vay GDKQ.
- 1.8 **Tài sản đảm bảo (TSĐB):** Toàn bộ chứng khoán được Công ty đồng ý ghi nhận vào tài sản (bao gồm cả chứng khoán sẽ hình thành trong tương lai) theo nguyên tắc định giá của Công ty, tiền trên TKGDKQ, tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Khách hàng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty.
- 1.9 **Danh mục giao dịch ký quỹ:** Danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ do Công ty ban hành từng thời kỳ.
- 1.10 **Chứng khoán ký quỹ (CKKQ):** Chứng khoán nằm trong Danh mục giao dịch ký quỹ.
- 1.11 **Giá trị CKKQ:** Giá trị của CKKQ được xác định theo nguyên tắc định giá của Công ty.
- 1.12 **Tỷ lệ ký quỹ (Rtt):** Là tỷ số giữa Giá trị CKKQ và Dư nợ quy đổi.
- 1.13 **Tỷ lệ ký quỹ ban đầu (Rbd):** Giá trị tối thiểu 100% hoặc một giá trị khác theo chính sách ban hành từng thời kỳ của Công ty.
- 1.14 **Sức mua:** Giá trị tối đa Khách hàng có thể đặt Lệnh mua chứng khoán trên TKGDKQ. Sức mua của Khách hàng có thể thay đổi theo mã chứng khoán Khách hàng mua.
- 1.15 **Tỷ lệ ký quỹ an toàn (Rat):** Giá trị 90% hoặc một giá trị khác theo chính sách ban hành từng thời kỳ của Công ty. Đây là tỷ lệ Rtt tối thiểu cần đạt được sau khi: Khách hàng bổ sung tài sản

bảo đảm theo lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung và/hoặc Công ty thực hiện bán xử lý giải chấp.

- 1.16 **Tỷ lệ ký quỹ duy trì (Rdt):** Giá trị 85% hoặc một giá trị khác theo chính sách ban hành từng thời kỳ của Công ty.
- 1.17 **Tỷ lệ ký quỹ xử lý (Rxl):** Giá trị 80% hoặc một giá trị khác theo chính sách ban hành từng thời kỳ của Công ty. Đây là tỷ lệ bán xử lý giải chấp, khi Tỷ lệ ký quỹ trên TKGDQ của Khách hàng nhỏ hơn tỷ lệ này thì Công ty được toàn quyền thực hiện ngay các biện pháp xử lý cần thiết theo quy định của Phần D này.
- 1.18 **Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung:** Thông báo của Công ty gửi cho Khách hàng khi Tỷ lệ ký quỹ thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì để yêu cầu Khách hàng nộp thêm tiền và/hoặc bổ sung thêm tài sản đảm bảo, tài sản thế chấp và/hoặc bán bớt chứng khoán đầu tư để bảo đảm Tỷ lệ ký quỹ không thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ an toàn.
- 1.19 **Giá chặn trên:** Mức giá chứng khoán do Công ty quy định từng thời kỳ và được dùng làm cơ sở xác định mức giá cao nhất để tính giá trị TSDB, các Tỷ lệ ký quỹ và các chỉ số khác.
- 1.20 **Hạn mức cho vay GDKQ:** Tổng giá trị tối đa bằng tiền mà Công ty có thể cho vay GDKQ đối với Khách hàng do Công ty quy định trong từng thời kỳ.
- 1.21 **Ngày giải ngân:** Ngày Công ty chuyển tiền vay vào TKGDQ.
- 1.22 **Ngày vay thực tế:** Số ngày được tính từ ngày giải ngân đến ngày Khách hàng trả nợ cho Công ty.
- 1.23 **Ngày quá hạn:** Số ngày vượt quá thời hạn cho vay.
- 1.24 **Thời hạn yêu cầu bổ sung TSDB:** 03 (ba) ngày giao dịch hoặc một thời hạn khác theo chính sách ban hành từng thời kỳ của Công ty.

D2. Điều kiện sử dụng dịch vụ ký quỹ

Khách hàng được thực hiện Giao dịch ký quỹ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- 2.1 Khách hàng đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về GDKQ, đáp ứng các quy định về TSDB, Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của Công ty. Công ty có thể thay đổi các quy định này trong từng thời kỳ/thời điểm.
- 2.2 Khách hàng có khả năng tài chính bảo đảm trả toàn bộ nợ vay cho Công ty đầy đủ, đúng hạn và trong thời hạn cam kết và không thuộc các trường hợp chấm dứt, thu hồi Dư nợ vay GDKQ trước hạn theo Phần D này.
- 2.3 Khách hàng phải duy trì đúng/đầy đủ các tỷ lệ/giá trị của TKGDQ theo quy định của Phần D này. Cách tính Tỷ lệ ký quỹ, các quy định về Tỷ lệ ký quỹ an toàn, Tỷ lệ ký quỹ duy trì, Tỷ lệ ký quỹ xử lý có thể thay đổi theo quyết định của Công ty từng thời kỳ.
- 2.4 Chứng khoán Khách hàng mua nằm trong Danh mục giao dịch ký quỹ do Công ty quy định. Danh sách này có thể thay đổi theo từng thời điểm theo quyết định đơn phương của Công ty.



- 2.5 Các điều kiện khác theo quy định tại Phần D này, các văn bản pháp luật liên quan và các thông báo của Công ty.

D3. Cho vay theo Giao dịch ký quỹ

3.1 Nguyên tắc

- (a) Trước khi thực hiện Giao dịch ký quỹ, Khách hàng phải có tài sản đảm bảo tỷ lệ ký quỹ theo quy định; và
- (b) Trong giới hạn Hạn mức cho vay GDKQ và căn cứ vào quy định Tỷ lệ ký quỹ ban đầu trên TKGDQ, Công ty thực hiện đánh giá và giải ngân cho vay Giao dịch ký quỹ trên TKGDQ.

3.2 Phương thức giải ngân

Khi Khách hàng có Lệnh mua chứng khoán được khớp nhưng không đủ số dư tiền trên TKGDQ để thanh toán Lệnh mua thì Khách hàng mặc nhiên đề nghị Công ty giải ngân khoản tiền cho vay GDKQ theo nguyên tắc dưới đây:

- (a) Dựa trên yêu cầu mua chứng khoán của Khách hàng trong Lệnh mua tương ứng và/hoặc các trường hợp khác được Công ty chấp thuận giao dịch thành công, Công ty tự động chuyển tiền giải ngân vào TKGDQ được thể hiện bằng số dư tăng thêm của Dư nợ vay GDKQ trên TKGDQ, đồng thời là bằng chứng cho việc Công ty đã giải ngân để thanh toán theo yêu cầu của Khách hàng.
- (b) Khách hàng mặc nhiên chấp nhận và nhận nợ toàn bộ các khoản tiền cho vay GDKQ được giải ngân theo quy định trên đây và Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán hoàn trả cho Công ty toàn bộ số tiền Công ty đã giải ngân cho vay GDKQ. Khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính phát sinh của Khách hàng đối với Công ty được thể hiện bằng số Dư nợ vay GDKQ trên TKGDQ.
- (c) Bằng việc đăng ký dịch vụ Giao dịch ký quỹ, Khách hàng ủy quyền cho Công ty lập văn bản xác nhận đối với các khoản Dư nợ vay GDKQ đã giải ngân của Khách hàng và được lưu trong hồ sơ giao dịch của Khách hàng. Khách hàng đương nhiên ghi nhận nghĩa vụ hoàn trả đối với Dư nợ vay GDKQ ghi trên văn bản do Công ty lập mà không cần có thêm bất cứ văn bản nào về việc xác nhận của Khách hàng.

Bằng việc đăng ký dịch vụ Giao dịch ký quỹ, Khách hàng xác nhận đã hiểu, đồng ý và không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào với Công ty về nguyên tắc, phương thức, thủ tục giải ngân và nhận nợ theo quy định tại Điều này.

3.3 Mục đích sử dụng tiền vay và thời hạn cho vay

- (a) Mục đích sử dụng tiền vay: Khách hàng chỉ được phép sử dụng các khoản tiền vay cho GDKQ từ Công ty để mua chứng khoán trên TKGDQ và cho những trường hợp khác được Công ty chấp thuận.

(b) Thời hạn cho vay:

- (i) Thời hạn của các khoản vay được quy định theo chính sách sản phẩm GDKQ của Công ty trong từng thời kỳ;
- (ii) Bằng hợp đồng mở TKGDKQ, Khách hàng đề nghị Công ty gia hạn thời gian cho vay đối với mỗi khoản vay Giao dịch ký quỹ đến hạn trừ trường hợp Khách hàng có yêu cầu khác bằng văn bản trước thời điểm đến hạn nêu trên;
- (iii) Công ty có thể xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn thời gian cho vay theo đề nghị của Khách hàng dựa trên nguồn vốn hiện có của Công ty và/hoặc khả năng thu hồi nợ từ Khách hàng. Thời gian gia hạn (nếu có) sẽ theo quy định của Công ty trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- (iv) Nếu Công ty chấp thuận cho Khách hàng gia hạn, Công ty sẽ toàn quyền chủ động quyết định số lần gia hạn, thời gian mỗi lần gia hạn cũng như mức lãi suất cho vay gia hạn, cách thức tính lãi suất cho vay gia hạn; và các quy định khác có liên quan đến việc gia hạn cho vay để Khách hàng được giao dịch trên TKGDKQ phù hợp với chính sách của Công ty. Nếu Công ty chủ động thay đổi thời hạn gia hạn dẫn tới việc Khách hàng phải hoàn trả tiền vay và lãi vay cho Công ty trước hạn, Công ty có trách nhiệm thông báo cho Khách hàng trước ít nhất 03 (ba) ngày giao dịch theo các hình thức quy định tại Điều D10 dưới đây;
- (v) Nếu Công ty không chấp thuận cho Khách hàng gia hạn thì Khách hàng phải thực hiện bán chứng khoán trên TKGDKQ hoặc Khách hàng phải chuyển tiền vào TKGDKQ để Công ty thu hồi nợ. Ngay sau ngày hết hạn cho vay mà Khách hàng chưa nộp tiền và/hoặc bán chứng khoán hoặc nộp tiền/hoặc bán chứng khoán chưa đủ để tất toán khoản vay thì Công ty có quyền nhưng không phải nghĩa vụ chủ động thu hồi nợ theo quy định tại Điều D10 dưới đây.

3.4 Giới hạn cho vay và miễn trừ trách nhiệm

- (a) Hạn mức cho vay GDKQ đối với Khách hàng có thể được Công ty thay đổi từng thời kỳ mà không bắt buộc phải thông báo trước với Khách hàng. Trong thời hạn hiệu lực của hạn mức cho vay GDKQ, các bên đồng ý rằng:
 - (i) Khách hàng có thể được giải ngân nhiều lần nhưng tổng Dư nợ vay GDKQ tại bất kỳ thời điểm nào cũng không vượt quá giá trị Hạn mức cho vay GDKQ.
 - (ii) Tổng nguồn vốn cho vay GDKQ đối với tất cả các Khách hàng sử dụng hình thức GDKQ theo cách thức tương tự nhau có thể được Công ty thay đổi từng thời kỳ mà không bắt buộc phải thông báo đến Khách hàng.
 - (iii) Vì bất kỳ lý do nào, nếu Khách hàng có Dư nợ vay GDKQ vượt Hạn mức cho vay GDKQ theo quy định (tỷ lệ cho vay đối với từng mã chứng khoán, giới hạn số lượng chứng khoán cho vay, giới hạn cho vay đối với từng Khách hàng, giới hạn cho vay đối với từng mã chứng khoán...), Khách hàng phải thanh toán phần chênh lệch ngay

trong ngày hoặc Khách hàng phải đề nghị Công ty tăng hạn mức cho vay GDKQ để phù hợp với tình trạng số dư và nếu được Công ty đồng ý, Công ty và Khách hàng sẽ ký các văn bản cần thiết để xác nhận việc điều chỉnh. Trong mọi trường hợp, Khách hàng đương nhiên nhận nợ toàn bộ các khoản Công ty đã giải ngân, kể cả phần vượt đó (nếu có).

- (b) Khách hàng không tiếp tục được vay GDKQ để mua chứng khoán khi đã đạt Hạn mức cho vay GDKQ hoặc khi Tổng nguồn vốn cho vay GDKQ của Công ty đã được sử dụng hết (mà không bắt buộc phải thông báo đến Khách hàng trước). Trong các trường hợp nêu tại Khoản 3.4 này, Công ty được miễn mọi trách nhiệm đối với Khách hàng.

D4. Dư nợ và lãi suất

4.1 Dư nợ

Dư nợ vay GDKQ được tính hàng ngày và là tổng số tiền thực tế Công ty đã giải ngân cho Khách hàng trên TKGDKQ lũy kế đến cuối ngày đó (mà chưa được Khách hàng hoàn trả cho Công ty).

4.2 Lãi suất

- (a) Lãi suất cho vay GDKQ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm theo ngày hoặc theo năm (365 ngày/năm) được áp dụng từng thời kỳ do Công ty quy định. Khi có thay đổi Lãi suất cho vay, Công ty sẽ thông báo tới Khách hàng một (01) ngày làm việc trước khi áp dụng chính thức bằng một trong các hình thức thông báo được quy định tại Phần D này.
- (b) Tiền lãi vay được tính như sau:

Tiền lãi vay = Dư nợ vay GDKQ * Lãi suất* số ngày thực tế giải ngân/365 ngày

- (c) Tổng tiền lãi cho vay GDKQ: Là tổng số Tiền lãi áp dụng cho toàn bộ các khoản cho vay GDKQ giải ngân tính đến ngày hoàn trả thực tế. Khách hàng đồng ý để Công ty được tính toán, lập bảng kê chi tiết Tổng tiền lãi cho vay GDKQ và đương nhiên công nhận hiệu lực của bảng kê này. Tiền lãi của ngày chưa thanh toán sẽ được cộng dồn vào Dư nợ vay GDKQ lũy kế của Khách hàng.
- (d) Cách tính Tiền lãi, lãi suất cho vay GDKQ có thể thay đổi theo quyết định của Công ty mà không phải thông báo cho Khách hàng. Khách hàng đồng ý rằng, bất kể kết quả hoạt động đầu tư trên TKGDKQ như thế nào (lãi/lỗ), Khách hàng sẽ hoàn trả đủ các khoản vay GDKQ và thanh toán đủ cho Công ty Tổng tiền lãi cho vay GDKQ nêu trên.
- (e) Lãi vay quá hạn: Công ty sẽ áp dụng lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay GDKQ trong hạn hoặc một mức lãi suất vay quá hạn khác theo chính sách từng thời kỳ của Công ty.

Lãi vay quá hạn = Dư nợ vay GDKQ quá hạn * lãi suất vay quá hạn * số ngày quá hạn/365 ngày

D5. Thu hồi nợ vay

5.1 Thu hồi nợ vay

(a) Thu hồi Dư nợ vay GDKQ trong hạn:

- (i) Dư nợ vay GDKQ lãi và gốc được thu ngay (một phần hoặc toàn bộ) khi TKGDQ nhận được tiền do Khách hàng nộp/chuyển vào và/hoặc tiền bán chứng khoán đến hạn nhận về (đã trừ phí giao dịch + thuế, nếu có), cổ tức bằng tiền đến hạn nhận về.
- (ii) Công ty tự động lập bút toán trích thu Dư nợ vay GDKQ từ TKGDQ và ghi giảm Dư nợ vay GDKQ với giá trị tương ứng với phần đã thu. Nếu Dư nợ vay GDKQ đã được thu hồi đủ, phần còn lại được ghi tăng vào tiền mặt trên TKGDQ.

(b) Thu hồi Dư nợ vay GDKQ trước hạn:

Công ty có quyền không tiếp tục giải ngân, chấm dứt việc cho vay GDKQ, thu hồi nợ trước hạn (bao gồm: Dư nợ vay GDKQ, toàn bộ tiền lãi, phí chưa thanh toán, các nghĩa vụ khác của Khách hàng với Công ty) cũng như chấm dứt quan hệ Giao dịch ký quỹ với Khách hàng trong các trường hợp sau:

- (i) Khách hàng có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của Công ty là có ảnh hưởng đến phần lớn tài sản của Khách hàng; Khách hàng bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị khởi tố/ truy tố/ xét xử về hình sự. Đối với Khách hàng là tổ chức bị giải thể, ngừng hoạt động, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức, cổ phần hóa hoặc thay đổi chủ sở hữu...; người đại diện theo pháp luật, người điều hành của Khách hàng bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
- (ii) Khách hàng vi phạm bất kỳ nội dung nào của Phần D này và/hoặc cam kết đã ký với Công ty;
- (iii) Khách hàng không đồng ý thay đổi: Lãi suất vay GDKQ, phí, các tỷ lệ liên quan đến TKGDQ do Công ty đưa ra;
- (iv) Khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật khi thực hiện mở TKCK và TKGDQ;
- (v) Khách hàng là cá nhân chết mà không có người thừa kế được Công ty chấp thuận;
- (vi) Công ty quyết định ngừng cho vay GDKQ theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do thay đổi chiến lược kinh doanh hay do bất kỳ nguyên nhân nào khác; hoặc
- (vii) Các trường hợp khác mà Công ty xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi vốn cho Công ty.

Việc thu hồi nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: phí giao dịch/các khoản phải trả khác của Khách hàng (nếu có), chi phí xử lý TSDB, tiền lãi quá hạn, tiền lãi trong hạn,



nợ gốc. Công ty có quyền đơn phương thay đổi thứ tự ưu tiên thu hồi nợ này mà không cần thông báo Khách hàng.

5.2 Thu tiền lãi vay

Tiền lãi vay được tính, cộng dồn hàng ngày (được tạm phong tỏa khi kết thúc giao dịch và được tạm cộng vào Dư nợ vay GDKQ để tính toán các tỷ lệ yêu cầu trên TKGDKQ).

- (a) Công ty tự động trích thu hồi tiền lãi từ khoản tiền mặt trên TKGDKQ đến khi thu hồi đủ tiền lãi phát sinh và ghi giảm tiền mặt tương ứng với phần tiền lãi đã thu.
- (b) Khách hàng đồng ý để Công ty toàn quyền quyết định chính sách thu lãi trong hạn, trước hạn theo từng ngày, theo từng tháng hoặc theo từng kỳ hạn của khoản vay.

D6. Xử lý vi phạm tỷ lệ trên TKKQ

6.1 Xử lý vi phạm Tỷ lệ ký quỹ duy trì

- (a) Khi Tỷ lệ ký quỹ trên TKGDKQ thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty ngay lập tức gửi Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung đến Khách hàng.
- (b) Trong thời hạn bổ sung TSDB theo quy định tại Điều D7 dưới đây, Khách hàng phải bổ sung TSDB và/hoặc giảm Dư nợ vay GDKQ để đưa Tỷ lệ ký quỹ trên TKGDKQ cao hơn hoặc bằng Tỷ lệ ký quỹ an toàn.
- (c) Quá thời hạn bổ sung TSDB mà Khách hàng không thực hiện bổ sung TSDB vào TKGDKQ theo đúng các nội dung yêu cầu của Công ty, đồng thời Tỷ lệ ký quỹ của TKGDKQ trong thời hạn bổ sung TSDB này liên tục thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty sẽ được toàn quyền thực hiện bán TSDB của Khách hàng (cả trên tài khoản giao dịch chứng khoán và TKGDKQ) để thu hồi một phần hoặc toàn bộ Dư nợ vay GDKQ để đưa Tỷ lệ ký quỹ cao hơn hoặc bằng Tỷ lệ ký quỹ an toàn theo nguyên tắc xử lý TSDB được quy định tại Điều D8 dưới đây này mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/chấp thuận nào của Khách hàng. Việc xử lý đến tỷ lệ ký quỹ cụ thể nào (Tỷ lệ ký quỹ an toàn hoặc tỷ lệ khác) là do Công ty được toàn quyền quyết định.

6.2 Xử lý vi phạm Tỷ lệ ký quỹ xử lý

- (a) Khi Tỷ lệ ký quỹ trên TKGDKQ tại bất kỳ thời điểm nào nhỏ hơn Tỷ lệ ký quỹ xử lý, ngay lập tức Công ty được toàn quyền bán TSDB của Khách hàng (cả trên tài khoản giao dịch chứng khoán và TKGDKQ) để thu hồi một phần hoặc toàn bộ tiền để đưa Tỷ lệ ký quỹ lớn hơn Tỷ lệ ký quỹ an toàn (hoặc tỷ lệ khác theo quyết định của Công ty) theo nguyên tắc xử lý TSDB quy định tại Điều D8 dưới đây mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/chấp thuận nào của Khách hàng.
- (b) Trường hợp Công ty xử lý tài sản trên tài khoản giao dịch chứng khoán, Công ty được toàn quyền chuyển khoản tiền thu được vào TKGDKQ để thu nợ và thay mặt Khách hàng lập tất cả các chứng từ có liên quan.

D7. Bổ sung tài sản bảo đảm

- 7.1 Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung được Công ty gửi tới Khách hàng ngay khi Tỷ lệ ký quỹ trên TKGDQK thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì vì bất kỳ lý do nào (bao gồm cả việc Công ty thay đổi Danh mục giao dịch ký quỹ, thay đổi quy tắc định giá Tài sản đảm bảo, tỷ lệ cho vay).
- 7.2 Thời hạn Khách hàng phải bổ sung là ba (03) ngày giao dịch (hoặc một thời hạn khác theo chính sách ban hành từng thời kỳ của Công ty) kể từ ngày Công ty gửi Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, nếu tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn yêu cầu bổ sung TSDB này mà Tỷ lệ ký quỹ trên TKGDQK thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ xử lý, Công ty có toàn quyền xử lý chứng khoán ngay lập tức theo cách thức quy định tại Điều D8 dưới đây mà không cần chờ đến hết thời hạn bổ sung TSDB.

Đối với trường hợp Khách hàng phải bổ sung TSDB vì lý do mã chứng khoán bị đưa ra khỏi Danh mục giao dịch ký quỹ của Công ty hoặc Công ty thay đổi quy tắc định giá TSDB, thay đổi tỷ lệ cho vay, Công ty có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) cho phép (các) mã chứng khoán này tiếp tục làm TSDB cho khoản vay Giao dịch ký quỹ với tỷ lệ tính TSDB và thời hạn duy trì mã chứng khoán làm TSDB do Công ty ấn định theo chính sách từng thời kỳ của Công ty.

- 7.3 Khách hàng có thể thực hiện bổ sung TSDB theo các cách sau để đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ lớn hơn hoặc bằng Tỷ lệ ký quỹ an toàn (hoặc Tỷ lệ khác được Công ty chấp thuận từng thời kỳ): (i) Nộp/chuyển tiền vào TKGDQK; (ii) Bán chứng khoán trong TKGDQK; (iii) Chuyển chứng khoán được phép GDKQ từ tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng sang TKGDQK; (iv) Chuyển chứng khoán được chấp nhận làm tài sản thế chấp từ tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng sang TKGDQK.
- 7.4 Đồng thời thực hiện các cách nêu tại Khoản 7.3 trên đây với tổng giá trị tiền, chứng khoán bán (đã trừ phí giao dịch và thuế liên quan), giá trị thị trường của chứng khoán được phép GDKQ, giá trị chứng khoán được chấp nhận làm TSDB sao cho TKGDQK đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ an toàn (hoặc tỷ lệ khác được Công ty chấp thuận từng thời kỳ) theo quy định của Phần D này.

D8. Biện pháp bảo đảm

- 8.1 Nghĩa vụ được bảo đảm và Tài sản đảm bảo

Để thực hiện đúng các nghĩa vụ được bảo đảm, Khách hàng tự nguyện sử dụng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để làm TSDB cho Công ty với các nội dung sau:

- (a) Nghĩa vụ được bảo đảm: Là nghĩa vụ trả nợ GDKQ của Khách hàng cho Công ty (bao gồm: Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, phí, phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác cũng như các nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán khác của Khách hàng phát sinh khi Khách hàng thực hiện GDKQ kể cả trong trường hợp Phần D này bị hủy bỏ, chấm dứt, vô hiệu).
- (b) Giá trị TSDB: Công ty có quyền tính toán, đánh giá và xác định giá trị TSDB của Khách hàng tại bất kỳ thời điểm nào theo giá trị thị trường hoặc theo mức giá do Công ty xác định. Khách hàng đồng ý việc đánh giá lại TSDB này của Công ty và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào đối với Công ty.

- (c) Ngoài các TSDB nêu trên, Khách hàng đồng ý dùng toàn bộ số tiền, chứng khoán của mình và các tài sản hợp pháp khác tại Công ty làm TSDB cho nghĩa vụ với Công ty. Tuy nhiên, để tránh hiểu nhầm, các tài sản này sẽ không được tính vào các tỷ lệ trên TKGDQK (trừ trường hợp Công ty có quy định khác) và giá trị bổ sung (mà chỉ để xử lý khi phát sinh các sự kiện xử lý TSDB theo Phần D này).
- (d) Việc sử dụng tài sản của bên thứ ba hoặc các tài sản khác (ngoài tiền và chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng) để bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách hàng được thực hiện theo quy định từng thời kỳ của Công ty phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

8.2 Thời hạn bảo đảm

Kể từ ngày ký kết sử dụng dịch vụ cho đến khi Khách hàng thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hoàn trả Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, phí, phạt và các nghĩa vụ khác (nếu có) phát sinh và/hoặc liên quan đến Tài khoản GDKQ, tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng đối với Công ty và/hoặc bên thứ ba (nếu có).

8.3 Sử dụng & xử lý tài sản đảm bảo

TSDB được Công ty sử dụng, xử lý để thanh toán các khoản nợ mà Khách hàng phải trả cho Công ty gồm Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, phí, chi phí, nghĩa vụ thuế liên quan đến xử lý TSDB (nếu có), tiền phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) và các nghĩa vụ khác của Khách hàng.

Khách hàng đồng ý và ủy quyền cho Công ty được toàn quyền sử dụng TSDB để làm tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty cần vay vốn từ Bên thứ ba để cung cấp dịch vụ GDKQ cho Khách hàng. Trong trường hợp Công ty phải xử lý TSDB để thu hồi nợ trước hạn hoặc quá hạn, giá trị TSDB sau khi xử lý nếu còn dư thì Khách hàng được Công ty hoàn trả lại phần dư này; nếu còn thiếu thì Khách hàng có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Công ty. Các chi phí, thuế, nghĩa vụ tài chính khác phát sinh trong quá trình xử lý TSDB do Khách hàng chịu.

8.4 Nguyên tắc xử lý Tài sản đảm bảo

(a) Các trường hợp xử lý:

- (i) Xử lý TSDB khi Khách hàng vi phạm các Tỷ lệ ký quỹ duy trì, Tỷ lệ ký quỹ xử lý, Tỷ lệ ký quỹ an toàn trên TKGDQK;
- (ii) Xử lý TSDB khi Công ty thu hồi Dư nợ vay GDKQ trước hạn;
- (iii) Xử lý TSDB khi Khách hàng không thanh toán nợ đúng hạn;
- (iv) Xử lý TSDB để thực hiện các nghĩa vụ khác của Khách hàng với Công ty; hoặc
- (v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

(b) Thực hiện xử lý

Ngay khi phát sinh các trường hợp được quy định tại Điểm (a) trên đây, Khách hàng chấp

nhận vô điều kiện và cam kết không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại hay khiếu kiện nào đối với việc xử lý TSDB của Công ty như sau:

- (i) Thu số dư tiền khả dụng đang có trên TKGDQ, và/hoặc tự động bán thanh lý một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của bất kỳ loại chứng khoán nào có trên TKGDQ mà không cần có sự chấp thuận của Khách hàng để thu hồi nợ. Mã chứng khoán, giá bán, số lượng và thời điểm bán do Công ty quyết định. Chứng từ liên quan đến việc bán chứng khoán trên TKGDQ sẽ đương nhiên có giá trị pháp lý mà không cần có xác nhận của Khách hàng.
- (ii) Nếu Công ty bán giải chấp chứng khoán trên TKGDQ, Khách hàng mặc nhiên ủy quyền cho Công ty thực hiện ứng trước khoản tiền bán chứng khoán ngay trong ngày giao dịch để trả nợ vay cho Công ty, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận và đồng ý thanh toán khoản phí ứng trước và các khoản thuế, phí liên quan khác theo quy định cho Công ty.
- (iii) Khách hàng đồng ý rằng nếu bán hết chứng khoán trên TKGDQ mà vẫn không đủ để trả hết các khoản nợ gốc, lãi và các trách nhiệm, nghĩa vụ nợ khác của Khách hàng phát sinh trên TKGDQ và/hoặc TKGDQ không có chứng khoán được phép giao dịch, bị mất thanh khoản không bán được (hoặc bán được với số lượng ít theo đánh giá của Công ty) thì Công ty được toàn quyền khấu trừ các khoản tiền/bán bất kỳ loại chứng khoán nào trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng để thu hồi nợ.

8.5 Các quy định khác

- (a) Sau khi xử lý toàn bộ TSDB của Khách hàng mà Công ty vẫn không thu hồi đủ Dư nợ vay GDKQ, Tiền lãi vay, chi phí và các nghĩa vụ khác (nếu có) của Khách hàng, các khoản phạt ... thì Khách hàng đương nhiên tiếp tục nhận nợ phần nghĩa vụ chưa được thu hồi đủ với Công ty (Công ty có quyền yêu cầu Khách hàng thanh toán ngay lập tức). Khách hàng chịu trách nhiệm dùng toàn bộ tài sản và các nguồn thu nhập của mình để thực hiện nghĩa vụ tiếp tục trả nợ số vay cho Công ty. Công ty được toàn quyền xử lý các tài sản khác của Khách hàng để thu hồi phần nghĩa vụ chưa thu hồi đủ này.
- (b) Việc xử lý TSDB là các tài sản khác không nằm trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng được thực hiện theo các văn bản thỏa thuận, cam kết của Khách hàng và/hoặc bên thứ ba với Công ty trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành.

D9. Quyền, nghĩa vụ và cam kết của Khách hàng

9.1 Quyền của Khách hàng

- (a) Gửi yêu cầu sử dụng dịch vụ cho vay GDKQ theo đúng các nội dung quy định trong Phần D này;
- (b) Chấm dứt Phần D này trước thời hạn với điều kiện đã thanh toán mọi khoản dư nợ, phí, chi phí liên quan cho Công ty; và



- (c) Khiếu nại, khởi kiện nếu Công ty vi phạm các thỏa thuận trong Phần D này.

9.2 Nghĩa vụ của Khách hàng

- (a) Cung cấp đầy đủ, trung thực và cập nhật thay đổi nếu có liên quan đến các thông tin, tài liệu để mở, quản lý TKGDQ, thực hiện GDKQ, vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi và không làm bất cứ điều gì khó khăn trở ngại trong trường hợp Công ty phải xử lý TSDB theo quy định tại Phần D này;
- (b) Nhận nợ vô điều kiện đối với các khoản tiền vay được Công ty tự động giải ngân trên TKGDQ (không cần có chữ ký của Khách hàng) để thanh toán cho các giao dịch đã thành công tại Công ty và có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ các khoản tiền đó và/hoặc các nghĩa vụ khác cho Công ty theo quy định của Phần D này;
- (c) Trong trường hợp Công ty đồng ý cho Khách hàng được phép rút/chuyển khoản tiền trên TKGDQ (khi vẫn còn dư nợ), Khách hàng cam kết nhận nợ vô điều kiện đối với khoản tiền này, và khoản tiền này cũng được xem là khoản vay của Khách hàng và được cộng dồn vào Dư nợ vay GDKQ lũy kế;
- (d) Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, chủ động bổ sung TSDB theo quy định của Công ty trong trường hợp TSDB của Khách hàng bị giảm sút giá trị theo đánh giá của Công ty, trả bớt dư nợ vay GDKQ, yêu cầu Công ty xử lý một phần hoặc toàn bộ TSDB để đảm bảo duy trì Tỷ lệ ký quỹ luôn lớn hơn Tỷ lệ ký quỹ an toàn, Tỷ lệ ký quỹ duy trì theo các quy định tại Điều D6. Thực hiện công bố thông tin (đối với trường hợp phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật) theo yêu cầu của Công ty khi Công ty phải xử lý TSDB;
- (e) Trong thời gian TSDB được sử dụng để bảo đảm nghĩa vụ, không được chuyển nhượng, tặng, cho, cầm cố, thế chấp TSDB cho bất kỳ bên thứ ba nào, không thực hiện bất cứ quyền nào phát sinh từ TSDB, không xâm phạm đến TSDB hoặc sử dụng biện pháp khác để rút tiền từ TSDB không đúng với các nội dung tại Phần D này;
- (f) Thanh toán phí, chi phí, các khoản thuế liên quan tới việc gửi, giữ, cầm cố, quản lý, phong tỏa, xử lý TSDB; mở, sử dụng và quản lý tài khoản;
- (g) Thanh toán Dư nợ vay GDKQ khi đến hạn, tiền lãi, phí, chi phí, các khoản đến hạn khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn cho Công ty hoặc bên nhận chuyển nhượng;
- (h) Cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản của Khách hàng để trả đủ số tiền nợ gốc, tiền lãi, phí, chi phí và các khoản thanh toán đến hạn khác (nếu có) cho Công ty hoặc bên nhận chuyển nhượng; đồng thời đồng ý để Công ty tự động phong tỏa tài khoản và trích tài khoản của Khách hàng mở tại Công ty để trích tiền thu hồi các khoản nợ gốc, tiền lãi, phí, phạt bồi thường thiệt hại cho Công ty;
- (i) Ủy quyền cho Công ty toàn quyền xử lý TSDB để thu hồi nợ cho Công ty khi Tỷ lệ ký quỹ thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ xử lý, Tỷ lệ ký quỹ duy trì. Công ty có quyền phối hợp hoặc ủy quyền

lại cho bên thứ ba thay mặt Công ty xử lý TSDB;

- (j) Đồng ý, chấp thuận, tuân thủ đúng và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với các quy định của Phần D này;
- (k) Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật cũng như các rủi ro do tổ chức và hoạt động của Công ty gây nên; và
- (l) Cung cấp thông tin kịp thời cho Công ty trong trường hợp Khách hàng là người nội bộ, người liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn. Tự chịu trách nhiệm về các quy định công bố thông tin trong trường hợp Khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn khi chúng khoán bị xử lý bán giải chấp.

9.3 Cam kết của Khách hàng

- (a) Khách hàng đã đọc và hiểu quy định về việc vay GDKQ tại Phần D này và tại đây cam kết thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Phần D này, các văn bản liên quan theo quy định của pháp luật.
- (b) Khách hàng có đủ năng lực dân sự và thẩm quyền cần thiết để sử dụng Giao dịch ký quỹ chúng khoán, tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Phần D này.
- (c) Khách hàng đồng ý rằng: Trừ trường hợp Khách hàng và Công ty có ký văn bản thỏa thuận khác đi một cách rõ ràng, Người được ủy quyền của Khách hàng liên quan đến tài khoản giao dịch chúng khoán của Khách hàng được hiểu là được ủy quyền tương đương trên cả tài khoản giao dịch chúng khoán và TKGDKQ.
- (d) Người được ủy quyền của Khách hàng cũng đồng ý sử dụng các tài sản trong tài khoản riêng của Người được ủy quyền mở tại Công ty (nếu có) và tất cả các tài sản khác để làm TSDB cho các nghĩa vụ của Khách hàng trong Phần D này. Người được ủy quyền đồng ý để Công ty phong tỏa và xử lý tài sản trong tài khoản riêng của mình (tương tự như cách xử lý quy định trong Phần D này) để đảm bảo các nghĩa vụ của Khách hàng trong các trường hợp mà Công ty xét thấy cần thiết. Tuy nhiên, Công ty có quyền quyết định xử lý tài sản của Người được ủy quyền theo từng trường hợp cụ thể. Việc Công ty không xử lý tài sản của Người được ủy quyền sẽ không được hiểu là miễn trách đối với Khách hàng trong mọi trường hợp.
- (e) Trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và Người được ủy quyền giao dịch của Khách hàng, Khách hàng và Người được ủy quyền cam kết và đảm bảo không yêu cầu Công ty phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu Công ty phải tham gia theo yêu cầu của tòa án thì Khách hàng và Người được ủy quyền sẽ liên đới chịu các phí tổn của Công ty phát sinh từ việc tham gia.
- (f) Nội dung của Phần D này và việc Khách hàng ký kết và thực hiện các giao dịch đó đã được phê duyệt đầy đủ và hợp lệ bởi các cơ quan/cấp có thẩm quyền nội bộ của Khách hàng; người ký đại diện cho Khách hàng trên các hồ sơ giao dịch là người đại diện hợp pháp của Khách hàng.

- (g) Khách hàng cam kết chuyển giao cho Công ty bản sao đầy đủ của các quy định/chấp thuận nội bộ cho phép Khách hàng ký kết và thực hiện Phần D này; các quy định/chấp thuận đó vẫn còn đầy đủ hiệu lực và chưa bị sửa đổi, thay thế, hủy bỏ hay điều chỉnh theo bất kỳ cách thức nào khác. Trường hợp có sửa đổi, thay thế, hủy bỏ hay điều chỉnh các quy định/chấp thuận nội bộ nêu trên, Khách hàng cam kết ngay lập tức gửi thông tin về việc sửa đổi, thay thế, hủy bỏ hay điều chỉnh này cho Công ty. Nếu việc không thông báo hoặc thông báo chậm trễ dẫn đến việc vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào hoặc có thiệt hại phát sinh, Khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với Công ty, bao gồm cả trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh.
- (h) Đối với trường hợp Khách hàng chuyển chứng khoán/tiền mặt từ tài khoản giao dịch chứng khoán sang TKGDQK theo quy định của Phần D này, căn cứ vào phiếu yêu cầu của Khách hàng lập theo mẫu quy định của Công ty, Công ty sẽ thực hiện việc chuyển chứng khoán/chuyển tiền vào TKGDQK. Trường hợp Khách hàng yêu cầu thông qua điện thoại hoặc giao dịch điện tử, Công ty sẽ được quyền thay mặt Khách hàng lập phiếu và tự động chuyển chứng khoán/tiền mặt theo yêu cầu của Khách hàng.

D10. Quyền và nghĩa vụ của Công ty

10.1 Quyền

- (a) Liên quan đến việc quản lý TKGDQK, Khách hàng ủy quyền cho Công ty và không hủy ngang cho đến khi Khách hàng hoàn thành mọi nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ Dư nợ vay GDKQ cho Công ty thực hiện các công việc sau:
 - (i) Thay mặt Khách hàng xử lý TSDB để thu hồi các khoản tiền Khách hàng phải thanh toán cho Công ty khi Khách hàng vi phạm một trong các quy định tại Phần D này;
 - (ii) Thay mặt Khách hàng rút tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn cho Công ty khi Khách hàng vi phạm một trong các quy định tại Phần D này; và
 - (iii) Thay mặt Khách hàng thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đến hạn đối với Công ty theo quy định tại Phần D này hay bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Khách hàng và Công ty hoặc theo quy định của pháp luật.
- (b) Từ chối giải ngân nếu Khách hàng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSDB, các Tỷ lệ ký quỹ và/hoặc các điều kiện khác theo quy định của Công ty trong từng thời kỳ;
- (c) Từ chối giải ngân trong trường hợp nằm ngoài khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty;
- (d) Đơn phương xác định lại, điều chỉnh và/hoặc thay đổi tỷ lệ cho vay, tỷ lệ tính TSDB đối với bất kỳ mã chứng khoán nào thuộc Danh mục giao dịch ký quỹ;
- (e) Đơn phương thay đổi các tỷ lệ liên quan tới quản lý, xử lý TSDB của Khách hàng..., và/hoặc thay đổi mức lãi suất cho vay, thay đổi cách thức tính lãi vay mà không cần phải thông báo trước;

- (f) Đơn phương xác định lại, điều chỉnh thay đổi tăng/giảm hoặc chấm dứt hạn mức, sức mua đã cấp cho Khách hàng;
- (g) Tự động ghi nợ, ghi có, chuyển khoản, nộp/trích/rút tiền đối với các tài khoản của Khách hàng tại Công ty để:
 - (i) Chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch mua, bán, thanh toán phí của Khách hàng tại Công ty để thực hiện các GDKQ theo Phần D này;
 - (ii) Thu hồi nợ gốc, nợ lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ khác đối với các trường hợp được quy định tại Phần D này;
 - (iii) Được quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) tự động chuyển tiền từ tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) sang TKGDQK trong trường hợp Khách hàng không bảo đảm các tỷ lệ yêu cầu trên TKGDQK;
 - (iv) Được quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) tự động đóng TKGDQK khi Khách hàng vi phạm các nội dung theo Phần D này.
- (h) Khi các khoản vay của Khách hàng đến hạn trả nợ hoặc phải thanh toán trước hạn theo các quy định tại Phần D này, Công ty được quyền tự động trích tài khoản của Khách hàng tại Công ty hoặc tại bất kỳ tài khoản được ủy quyền giao dịch nào của Khách hàng;
- (i) Được quyền xử lý TSDB theo quy định tại Phần D này. Trường hợp xử lý TSDB bằng cách bán chứng khoán trên các SGDCK mà không bán được (do mất thanh khoản tại thời điểm cần xử lý), Công ty được quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) nhận chứng khoán là TSDB theo giá sàn hoặc một mức giá bất kỳ theo quyết định của Công ty trong biên độ giao dịch của ngày Công ty quyết định xử lý (bằng cách tự động thực hiện giao dịch vào tài khoản tự doanh của Công ty) để giảm bớt tương ứng nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng;
- (j) Được quyền yêu cầu Khách hàng sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ cho Công ty trong trường hợp TSDB hoặc việc bảo lãnh không đủ để chi trả cho Công ty;
- (k) Được quyền thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra các sự kiện quy định tại Điều D5 trên đây;
- (l) Không cần sự chấp thuận của Khách hàng, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho bên thứ ba (gọi tắt là “**bên nhận chuyển nhượng**”) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Phần D này và các văn bản bổ sung, sửa đổi kèm theo. Trong trường hợp này Công ty có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách hàng bằng văn bản;
- (m) Được quyền thu tiền lãi và/hoặc các khoản phí khác theo Công ty quy định trong từng thời kỳ phù hợp với pháp luật và nội dung của Phần D này; và
- (n) Công ty có quyền gửi thông báo liên quan đến TKGDQK cho chính chủ tài khoản và/hoặc người nhận ủy quyền giao dịch.

10.2 Nghĩa vụ

- (a) Thực hiện nghĩa vụ thông báo cho Khách hàng các thay đổi về Danh mục giao dịch ký quỹ, các tỷ lệ liên quan tới xử lý, quản lý TSDB được quy định tại Phần D này, các thỏa thuận và văn bản đi kèm (nếu có) theo phương thức do Công ty quyết định;
- (b) Thực hiện đúng quy định tại Phần D này và các văn bản thỏa thuận khác (nếu có);
- (c) Thực hiện lưu giữ hồ sơ Khách hàng phù hợp với các quy định của pháp luật; và
- (d) Thông báo cho Khách hàng trước và sau khi thực hiện Lệnh bán xử lý giải chấp chứng khoán và gửi cho Khách hàng bảng sao kê kết quả giao dịch bán xử lý giải chấp chứng khoán theo phương thức do Công ty lựa chọn phù hợp với Bộ T&C này.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

PHẦN E - GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ

E1. Phạm vi áp dụng

Phần E này áp dụng cho hoạt động giao dịch trái phiếu riêng lẻ của Khách hàng qua hạ tầng giao dịch của Công ty.

E2. Giải thích từ ngữ

Trong Phần E này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 2.1 **Trái phiếu:** Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành riêng lẻ.
- 2.2 **Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp:** Nhà đầu tư có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật chứng khoán để giao dịch Trái phiếu.
- 2.3 **Hệ thống giao dịch trái phiếu tập trung:** Hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức phục vụ cho giao dịch Trái phiếu.
- 2.4 **Hạ tầng giao dịch Trái phiếu:** Hạ tầng được Công ty xây dựng và áp dụng để Khách hàng giao dịch Trái phiếu.

E3. Điều kiện giao dịch Trái phiếu

- 3.1 Đối với Trái phiếu giao dịch qua Hệ thống giao dịch trái phiếu tập trung, Khách hàng phải mở TKCK và đăng ký dịch vụ giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Đối với Trái phiếu không giao dịch qua Hệ thống giao dịch trái phiếu tập trung thì Khách hàng có thể phải mở TKCK tùy theo chính sách do Công ty ban hành trong từng thời kỳ.
- 3.2 Đối với Trái phiếu đòi hỏi Khách hàng phải là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thì trước khi mua, Khách hàng phải cung cấp cho Công ty bằng chứng hợp lệ chứng minh Khách hàng là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (bằng chứng sẽ theo quy định của Công ty).
- 3.3 Khách hàng giao dịch Trái phiếu qua Hệ thống giao dịch trái phiếu tập trung phải có đủ số dư tiền và/hoặc số lượng Trái phiếu trên tài khoản. Cụ thể:
 - (a) Đối với giao dịch mua: Khách hàng phải có đủ số dư tiền (bao gồm các loại phí, thuế có liên quan) để thực hiện giao dịch; và
 - (b) Đối với giao dịch bán: Khách hàng phải có đủ số lượng Trái phiếu (trong tình trạng tự do chuyển nhượng) dự kiến bán.

Khách hàng phải hoàn thành thủ tục đăng ký lưu ký Trái phiếu tại VSDC đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký lần đầu.

E4. Sử dụng Hạ tầng giao dịch Trái phiếu

- 4.1 Bằng việc sử dụng Hạ tầng giao dịch Trái phiếu, Khách hàng xác nhận đã đọc, hiểu, chấp nhận và đồng ý tuân thủ quy định tại Phần E này (có thể được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

- 4.2 Công ty được sửa đổi, bổ sung Phần E theo cùng phương thức sửa đổi, bổ sung Bộ T&C.
- 4.3 Phần E này có hiệu lực đối với Khách hàng từ thời điểm Khách hàng lần đầu tiên đăng nhập Hạ tầng giao dịch Trái phiếu. Bằng việc tải về và cài đặt ứng dụng/phần mềm chạy Hạ tầng giao dịch Trái phiếu hoặc truy cập website chứa đựng một phần hay toàn bộ Hạ tầng giao dịch Trái phiếu, Khách hàng mặc nhiên được coi là đồng ý sử dụng Hạ tầng giao dịch Trái phiếu.
- 4.4 Hạ tầng giao dịch Trái phiếu là một phần của hệ thống giao dịch điện tử của Công ty. Do đó, việc Khách hàng sử dụng Hạ tầng giao dịch Trái phiếu cũng chịu sự điều chỉnh của các phần khác có liên quan của Bộ T&C.
- 4.5 Khách hàng công nhận sự tồn tại của các rủi ro liên quan đến hệ thống giao dịch điện tử, giao dịch trực tuyến khi sử dụng Hạ tầng giao dịch Trái phiếu và chấp nhận các rủi ro đó.

E5. Nguyên tắc căn bản trong giao dịch Trái phiếu

- 5.1 Khi giao dịch Trái phiếu qua Công ty, Khách hàng xác nhận rằng:
- (a) Nếu là tổ chức, (i) Khách hàng là một tổ chức được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam và vẫn đang tồn tại và hoạt động bình thường, và (ii) việc Khách hàng giao dịch Trái phiếu là phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều lệ/quy chế nội bộ của Khách hàng;
 - (b) Nếu là cá nhân, Khách hàng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự để giao dịch Trái phiếu;
 - (c) Khách hàng tham gia giao dịch Trái phiếu hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối và không bị ép buộc;
 - (d) Khách hàng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích của mình và hệ quả pháp lý khi giao dịch Trái phiếu;
 - (e) Khách hàng có đầy đủ kiến thức, kinh nghiệm về đầu tư trái phiếu doanh nghiệp nói chung. Khách hàng hiểu rằng đầu tư vào Trái phiếu là có rủi ro, đã nhận biết được rủi ro có thể có đối với việc đầu tư vào Trái phiếu, có đủ khả năng để đánh giá lợi ích và rủi ro của Trái phiếu và chấp nhận toàn bộ các rủi ro đó; và
 - (f) Trước khi giao dịch Trái phiếu, Khách hàng đã có đủ thông tin và tài liệu về tổ chức phát hành và Trái phiếu có liên quan mà Khách hàng cho là cần thiết và thích hợp để đưa ra quyết định giao dịch Trái phiếu và đã hài lòng với thông tin nhận được.
- 5.2 Khách hàng đồng ý rằng trách nhiệm của Công ty liên quan đến việc đầu tư Trái phiếu của Khách hàng chỉ phát sinh nếu hợp đồng/thỏa thuận giữa Khách hàng và Công ty quy định rõ ràng như vậy. Khách hàng đồng ý không khiếu nại, khiếu kiện hay đưa ra yêu cầu đối với/chống lại Công ty phát sinh từ hoặc liên quan đến việc Khách hàng không đạt được lợi nhuận dự kiến, mất vốn hay bị tổn thất/thiệt hại theo cách khác khi đầu tư vào Trái phiếu.
- 5.3 Khách hàng hiểu và công nhận những nội dung sau:

- (a) Công ty không giới thiệu, chào mời, tư vấn, khuyến khích, gợi ý, đề nghị, yêu cầu hay bằng cách khác lôi kéo Khách hàng (dù trực tiếp hay gián tiếp, công khai hay ngụ ý) giao dịch Trái phiếu; và
 - (b) Công ty không đưa ra bất kỳ cam đoan, tuyên bố, xác nhận hay khẳng định nào về chất lượng của Trái phiếu, khả năng thanh toán của doanh nghiệp phát hành Trái phiếu, chất lượng tài sản bảo đảm (nếu có) hay khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của bên bảo lãnh (nếu có).
- 5.4 Khách hàng đồng ý rằng:
- (a) Công ty không đưa ra cam kết thuộc bất kỳ dạng nào (và do đó cũng không có nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc) hỗ trợ hay bảo đảm khả năng thanh khoản của Trái phiếu. Công ty không đưa ra cam kết thuộc bất kỳ dạng nào (và do đó cũng không có nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc) bảo đảm Khách hàng có thể bán được Trái phiếu sau khi mua vào hay đạt được lợi nhuận/lãi như Khách hàng kỳ vọng;
 - (b) Công ty không đưa ra cam kết thuộc bất kỳ dạng nào (và do đó cũng không có nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc) hỗ trợ hay bảo đảm (i) khả năng thanh toán của doanh nghiệp phát hành cho Trái phiếu có liên quan, (ii) khả năng xử lý được và đủ tài sản bảo đảm hay yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh; và
 - (c) Nói chung, Công ty không đưa ra cam kết thuộc bất kỳ dạng nào (và do đó cũng không có nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc) rằng Khách hàng có thể thu hồi được gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) từ Trái phiếu như Khách hàng kỳ vọng.
- 5.5 Nếu Khách hàng đầu tư vào loại Trái phiếu đòi hỏi nhà đầu tư phải đáp ứng tiêu chuẩn hay điều kiện nhất định (ví dụ là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) thì Khách hàng cam kết sẽ tìm hiểu về tiêu chuẩn hay điều kiện đó và Khách hàng xác nhận với Công ty rằng mình đáp ứng được tiêu chuẩn hay điều kiện đó trước khi đầu tư vào Trái phiếu.
- 5.6 Khi nhận yêu cầu giao dịch Trái phiếu của Khách hàng (trừ giao dịch trực tiếp giữa Khách hàng và Công ty), Công ty không phải kiểm tra và xác minh bất kỳ nội dung nào dưới đây và không phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổ chức/cá nhân nào cho dù có bất kỳ vấn đề nào xảy ra đối với giao dịch có liên quan, kể cả:
- (a) Giá trị hay hiệu lực của giao dịch (và khi có bất kỳ phán quyết nào có hiệu lực pháp luật khẳng định rằng giao dịch đó bị vô hiệu, Công ty sẽ có quyền khôi phục thông tin trong hệ thống quản lý Trái phiếu như trước khi nhận được yêu cầu giao dịch và xác nhận giao dịch có liên quan, trừ khi phán quyết có quy định khác hoặc các bên có liên quan có thỏa thuận khác và được Công ty chấp nhận);
 - (b) Việc thanh toán giữa các bên giao dịch;
 - (c) Liệu các bên giao dịch đã có được các chấp thuận cần thiết cho giao dịch hay chưa; hoặc

- (d) Liệu có bất kỳ bên nào tham gia giao dịch đang chịu sự ràng buộc bởi nghĩa vụ hay cam kết mâu thuẫn hay xung đột với việc bên đó ký kết và/hoặc thực hiện giao dịch hay không.
- 5.7 Khi sử dụng trong Phần E này, “**giao dịch**” gồm (i) mua/bán, chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng, tặng, cho hay định đoạt Trái phiếu bằng hình thức khác, (ii) phong tỏa/hạn chế chuyển nhượng Trái phiếu và các tài sản/khoản tiền nhận được từ Trái phiếu, (iii) sử dụng Trái phiếu làm tài sản bảo đảm, và (iv) các hình thức giao dịch khác được cung cấp trên Hạ tầng giao dịch Trái phiếu đối với Trái phiếu.
- 5.8 Ngoài các quy định trong Phần E này, việc Khách hàng giao dịch Trái phiếu phải tuân thủ các quy chế, quy định có liên quan của VSDC, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và pháp luật.

E6. CÔNG BỐ RỦI RO

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP LÀ LOẠI CHỨNG KHOÁN CÓ RỦI RO. TRƯỚC KHI ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU, NHÀ ĐẦU TƯ NÊN TÌM HIỂU KỸ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH, TRÁI PHIẾU, BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM (NẾU CÓ) VÀ CÁC KHÍA CẠNH KHÁC CỦA TRÁI PHIẾU (TRONG ĐÓ CÓ YẾU TỐ RỦI RO GẮN VỚI TRÁI PHIẾU). NẾU CHƯA THỰC SỰ YÊN TÂM HAY HẢI LÒNG, NHÀ ĐẦU TƯ NÊN THAM KHẢO Ý KIẾN CỦA TƯ VẤN THUẾ, PHÁP LÝ VÀ/HOẶC TÀI CHÍNH ĐỂ QUYẾT ĐỊNH CÓ ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU HAY KHÔNG. TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ (VÀ KHÔNG THAY THẾ CHO) TIỀN GỬI TIẾT KIỆM TẠI NGÂN HÀNG.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

